

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2011/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP) gồm: phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đầu nối đường nhánh vào quốc lộ, mã số đặt tên hệ thống đường tỉnh, bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

Chương II

PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Đất của đường bộ

Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ. Công trình đường bộ gồm:

1. Đường bộ
 - a) Đường (nền đường, mặt đường, lề đường, hè phố);
 - b) Cầu đường bộ (cầu vượt sông, cầu vượt khe núi, cầu vượt trong đô thị, cầu vượt đường bộ, cầu vượt đường sắt, cầu vượt biển), kể cả cầu dành cho người đi bộ;
 - c) Hàm đường bộ (hàm qua núi, hàm ngầm qua sông, hàm chui qua đường bộ, hàm chui qua đường sắt, hàm chui qua đô thị), kể cả hàm dành cho người đi bộ;
 - d) Bến phà, cầu phao đường bộ, đường ngầm, đường tràn.
2. Nơi dừng, đỗ xe trên đường bộ, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu, đường.
3. Hệ thống báo hiệu gồm đèn tín hiệu, biển báo hiệu, giá treo biển báo hiệu hoặc đèn tín hiệu, khung, giá hạn chế tĩnh không, cọc tiêu, cột cây số, vạch kẻ đường và các thiết bị khác.
4. Đảo giao thông, dải phân cách, rào chắn, tường hộ lan.
5. Các mốc đo đạc, mốc lộ giới, cột mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường bộ.
6. Hệ thống chiếu sáng đường bộ.
7. Hệ thống thoát nước, hầm kỹ thuật, kè đường bộ.
8. Công trình chống va trôi, công trình chỉnh trị dòng nước, chống sạt lở đường bộ.
9. Đường cứu nạn, nơi cất giữ phương tiện vượt sông, nhà hạt, nơi cất giữ vật tư, thiết bị dự phòng bảo đảm giao thông.
10. Các công trình phụ trợ bảo đảm môi trường, bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 4. Hành lang an toàn đường bộ

1. Hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đất của đường bộ (kể cả phần mặt nước dọc hai bên cầu, hàm, bến phà, cầu phao) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

2. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định từ Điều 15 đến Điều 19 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP. Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với đường phải căn cứ cấp kỹ thuật của đường được quản lý theo quy hoạch, đối với cầu phải căn cứ vào chiều dài của cầu.

3. Trường hợp đường bộ đi chung với công trình thủy lợi, hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật về đê điều.

Điều 5. Xác định phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với trường hợp chưa xác định phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, đường định mức lộ giới, phạm vi đất của đường bộ và phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Đối với đường bộ đang khai thác, phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 11/2010/NĐ-CP có hiệu lực, phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ được xác định như sau:

a) Phạm vi đất của đường bộ được xác định theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

b) Phạm vi hành lang an toàn đường bộ được xác định sau khi đã xác định phạm vi đất của đường bộ; cụ thể:

- Trường hợp phần hành lang an toàn đường bộ còn lại lớn hơn hoặc bằng bề rộng quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP thì giữ nguyên;

- Trường hợp phần hành lang an toàn đường bộ còn lại nhỏ hơn bề rộng quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, tiến hành xác định lại phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 6. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ

1. Công trình đã có trước ngày Thông tư này có hiệu lực (được cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng), nếu phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ chưa đáp ứng quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, đồng thời không gây nguy hiểm, không gây mất an toàn giao thông, tạm thời được giữ nguyên hiện trạng.

2. Công trình được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng; công trình đang khai thác sử dụng chưa đáp ứng quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP có gây nguy hiểm, gây mất an toàn giao thông phải bảo đảm đủ phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ (theo phương thẳng đứng) như sau:

a) Đối với cầu vượt trên đường bộ, khoảng cách tối thiểu tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ đến điểm thấp nhất của kết cấu nhịp cầu theo phương thẳng đứng (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, mở rộng) là 4,75m (bốn mét bảy lăm);

Đối với cầu vượt đường cao tốc phải thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc;

b) Đối với đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tới điểm thấp nhất của đường dây thông tin ở trạng thái võng cực đại tối thiểu là 5,50m (năm mét năm mươi);

c) Đối với đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo phương thẳng đứng từ điểm thấp nhất của đường dây tải điện ở trạng

thái vông cực đại đến điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tối thiểu là 4,75m (bốn mét bảy lăm) cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp do pháp luật về điện lực quy định.

Chủ công trình lưới điện chịu trách nhiệm lắp đặt và quản lý biển báo hiệu, biển hạn chế chiều cao ở những vị trí giao nhau giữa đường dây tải điện trên cao với đường bộ đi dưới theo quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ và hướng dẫn của đơn vị trực tiếp quản lý đoạn tuyến đường bộ.

3. Xác định chiều cao dự phòng khi tôn cao mặt đường

a) Đối với công trình vượt trên đường bộ, căn cứ hiện trạng và quy hoạch của tuyến đường bộ có công trình đi vượt trên để xác định chiều cao dự phòng cho tôn cao mặt đường bộ;

b) Đối với công trình đường bộ đi dưới cầu vượt hoặc các công trình thiết yếu, căn cứ thiết kế công trình đường bộ và quy hoạch của tuyến đường bộ để xác định chiều cao dự phòng cho tôn cao mặt đường bộ.

Điều 7. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với công trình thiết yếu

1. Công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép xây dựng nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả phần dưới mặt nước) phải ở chiều sâu hoặc khoảng cách theo chiều ngang không làm ảnh hưởng đến quản lý, bảo trì, khai thác và sự bền vững công trình đường bộ. Chiều sâu và khoảng cách theo chiều ngang do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu (nằm trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ) phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

a) Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) lớn hơn 4,0m (bốn mét), khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột;

b) Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) nhỏ hơn hoặc bằng 4,0m (bốn mét), khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 05 mét (năm mét);

c) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang bằng bề rộng của chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực miền núi có địa hình núi cao, vực sâu, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu được phép nhỏ hơn khoảng cách quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng tối thiểu phải cách mép phần xe chạy 2,0m (hai mét). Giới hạn do cơ quan

quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

Điều 8. Hành lang chông lấn giữa đường bộ và đường sắt

Khi hành lang an toàn đường sắt chông lấn hành lang an toàn đường bộ, phân định hành lang an toàn được thực hiện trên nguyên tắc ưu tiên bố trí đủ hành lang an toàn đường sắt nhưng phải bảo đảm giới hạn hành lang an toàn đường sắt không đè lên mái taluy hoặc bộ phận công trình của đường bộ, cụ thể:

1. Trường hợp công trình đường bộ và đường sắt đi liền kề và chung nhau rãnh dọc, ranh giới hành lang an toàn xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp công trình đường bộ, đường sắt có hành lang an toàn chung giữa hai đường nhỏ hơn tổng cộng hành lang an toàn của cả đường sắt và đường bộ theo quy định, ưu tiên bố trí đủ cho hành lang an toàn đường sắt; trường hợp giới hạn hành lang an toàn đường sắt nếu bố trí đủ sẽ đè lên công trình đường bộ, giới hạn hành lang an toàn đường sắt là mép ngoài cùng của công trình đường bộ.

Điều 9. Công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ

1. Công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ có khoảng cách đến hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền phát hiện và yêu cầu khắc phục, chủ công trình phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình không tự giác thực hiện, cơ quan quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ và công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ; trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nghiêm cấm xây dựng trái phép các loại công trình khác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân theo Điều 26, Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Trước khi mở rộng địa giới khu vực nội thành, nội thị có đường bộ đi qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xây dựng đường gom dọc hai bên đường và các điểm đầu nối theo quy định tại Thông tư này đối với đoạn đường bộ sẽ nằm trong nội thành, nội thị được quy hoạch mở rộng.

3. Hạn chế các điểm đầu nối trực tiếp vào quốc lộ. Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án xây dựng khác dọc đường bộ phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nối từ dự án vào các đường nhánh; trường hợp không có đường nhánh, được đầu nối trực tiếp đường gom vào quốc lộ, nhưng phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ được quy định tại Thông tư này.

4. Đường gom phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ; đường gom được xây dựng theo hướng sử dụng cho một hoặc nhiều dự án liền kề.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các hệ thống đường địa phương, Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với hệ thống quốc lộ trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

5. Đường nhánh được đầu nối vào quốc lộ đang khai thác theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép đường nhánh đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công kết cấu hạ tầng của dự án nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

6. Đối với cửa hàng xăng dầu xây dựng dọc theo quốc lộ phải nằm trong quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Bộ Công thương) phê duyệt; điểm đầu nối đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu phải nằm trong quy hoạch các điểm đầu nối được Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Không xây dựng và đầu nối trực tiếp cửa hàng xăng dầu vào đường cao tốc. Cửa hàng xăng dầu chỉ được xây dựng và đầu nối vào đường nhánh đã nối liên thông với đường cao tốc hoặc xây dựng bên trong trạm dừng nghỉ, trạm dịch vụ theo thiết kế ban đầu của đường cao tốc. Cửa hàng xăng dầu xây dựng liên quan đến đường bộ có quy chế khai thác riêng, phải tuân theo quy chế của tuyến đường bộ đó.

8. Các đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào quốc lộ thông qua đường nhánh; các đường đã có từ trước phải được xóa bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

9. Việc sử dụng hành lang an toàn ở nơi đường bộ, đường sắt chồng lấn phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan quản lý đường sắt có thẩm quyền.

10. Việc quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được. Cấm mọi hình thức quảng cáo trong phạm vi đất của đường bộ.

11. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ, điểm dừng xe, bến xe gây mất an toàn công trình cầu, mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường.

Trường hợp sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với gầm cầu trên đường đô thị do địa phương quản lý, Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với gầm cầu trên quốc lộ đi qua đô thị trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sở Giao thông vận tải là cơ quan chịu trách nhiệm về việc tổ chức sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời. Bãi đỗ xe tạm thời phải đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa cầu theo quy định.

12. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi có tuyến tránh ngập:

a) Kinh phí xây dựng tuyến tránh ngập do chủ đầu tư dự án thủy điện, thủy lợi chịu trách nhiệm;

b) Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đối với quốc lộ phải có ý kiến thỏa thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận đối với hệ thống đường địa phương.

13. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này để quy định cụ thể việc sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 11. Quản lý sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư xây dựng theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, xây dựng - chuyển giao và đường chuyên dùng

1. Việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đầu nối liên quan đến công trình đường bộ được đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO) hoặc Xây dựng - Chuyển giao (BT), cơ quan đường bộ có thẩm quyền khi thực hiện thỏa thuận quy hoạch, chấp thuận xây dựng, chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công, ngoài việc thực hiện các quy định của Thông tư này còn phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Nhà đầu tư dự án BOT, BTO, BT về các vấn đề an toàn giao thông, ảnh hưởng đến kết cấu công trình, thu phí và các vấn đề khác có liên quan.

2. Việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đầu nối liên quan đến đường chuyên dùng, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đường chuyên dùng đó trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 12. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Công trình thiết yếu bao gồm:

- a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;
- b) Công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ;
- c) Công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí;
- d) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình phải bố trí trên cùng một mặt bằng với công trình đường bộ để bảo đảm tính đồng bộ và tiết kiệm.

2. Trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình thiết yếu có thể được cơ quan có thẩm quyền xem xét cho phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Trường hợp xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, việc xây dựng công trình thiết yếu phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

4. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công; Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu.

Điều 13. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, quy định cụ thể như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải chấp thuận đối với dự án liên quan đến đường bộ cao tốc, và đường bộ có quy chế quản lý khai thác riêng;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận đối với các dự án sau đây, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này:

- Dự án công trình thiết yếu xây dựng mới có quy mô nhóm A, nhóm B; có liên quan đường cấp I, cấp II, cấp III hoặc có liên quan đến phạm vi quản lý của từ hai cơ quan trực tiếp quản lý quốc lộ trở lên (Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải);

- Dự án công trình thiết yếu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp liên quan đến đường cấp I, cấp II.

c) Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với:

- Dự án công trình thiết yếu xây dựng mới nhóm C và chưa đến mức lập dự án có liên quan đến đường được giao quản lý từ cấp IV trở xuống và trường hợp không thuộc thẩm quyền của Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy định tại điểm b khoản này;

- Dự án công trình thiết yếu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp liên quan đến đường từ cấp III trở xuống.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này;

- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có xác nhận của chủ công trình);

- Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

b) Thời gian giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Thời gian gia hạn: chỉ gia hạn một (01) lần với thời gian không quá 12 tháng;

d) Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

Điều 14. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

- a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;
- b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình;
- c) Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành;
- d) Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến quốc lộ.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ.

6. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

7. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

8. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 15. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác được phân cấp như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng biển quảng cáo đối với đường cấp I và đường bộ có quy chế quản lý khai thác riêng;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống quốc lộ, trừ đường bộ quy định tại điểm a khoản này;

c) Khu Quản lý Đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

Điều 16. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến quốc lộ được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, Chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (như cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết về dự án xây dựng quốc lộ;

b) Tổng hợp nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của dự án và báo cáo về cấp quyết định đầu tư để được xem xét các vấn đề có liên quan. Đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo quốc lộ phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng quốc lộ;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hộp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này để được cấp giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hộp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 17. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác phải đề nghị Khu quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến đường cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông, cụ thể như sau:

a) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này;

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của Chủ công trình);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hồ sơ có liên quan gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án

thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Đối với đường bộ do địa phương quản lý, bảo trì, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định để phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, trừ quốc lộ được ủy thác quản lý.

Điều 18. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Cách thức thực hiện: tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

2. Trình tự thực hiện như sau:

- a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền;
- b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả;
- c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương IV

ĐẤU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO QUỐC LỘ

Điều 19. Đấu nối đường nhánh vào quốc lộ

1. Đường nhánh đấu nối vào quốc lộ bao gồm:
 - a) Đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị;
 - b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ;
 - c) Đường chuyên dùng: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;
 - d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Đường nhánh đấu nối vào quốc lộ phải thông qua điểm đấu nối thuộc quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ đi qua địa phận tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Quy hoạch các điểm đấu nối) đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, sau khi có văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải.

Đầu nối đường nhánh vào quốc lộ trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Không quy hoạch điểm đầu nối vào đường cao tốc. Việc kết nối giao thông vào đường cao tốc được thực hiện theo thiết kế kỹ thuật của tuyến đường.

Cao độ đường ra, vào và mặt bằng xây dựng cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ hoặc các công trình khác phải đảm bảo thoát nước trong khu vực hoặc thấp hơn cao độ mặt đường.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ:

a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ của đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường gom:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt, nhưng không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét);

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị:

+ Đối với tuyến đường xây dựng mới khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến quốc lộ; cụ thể là: đối với đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 5000m (năm nghìn mét), đối với đường cấp III không nhỏ hơn 2000m (hai nghìn mét), đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1500m (một nghìn năm trăm mét);

+ Đối với đường hiện hữu, đường cải tạo nâng cấp là cấp I, cấp II có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách không nhỏ hơn 3000m (ba nghìn mét); đường cấp III không nhỏ hơn 1500m (một nghìn năm trăm mét), đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét);

+ Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được, khoảng cách giữa hai điểm đầu nối phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhưng không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét);

b) Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa của cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra, vào với quốc lộ, vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại điểm a khoản này, đồng thời vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 2000m (hai nghìn mét);

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn quốc lộ không nhỏ hơn 12000m (mười hai nghìn mét).

c) Đồi với cửa hàng xăng dầu được quy hoạch ở lân cận hoặc trùng với điểm đầu nối của đường nhánh khác, phải điều chỉnh để tại vị trí đó chỉ tồn tại một điểm đầu nối theo hướng ưu tiên điểm đầu nối của công trình có trước hoặc sử dụng chung.

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào quốc lộ phải phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

5. Đầu nối đường nhánh vào dự án quốc lộ được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nấn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh:

a) Ngay từ bước lập dự án, chủ đầu tư quốc lộ phải căn cứ Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có dự án đi qua để xác định các nút giao (nút giao khác mức liên thông hoặc trực thông, nút giao đồng mức) giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án quốc lộ được xây dựng, xác định vị trí vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô; đồng thời gửi phương án thiết kế tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến để điều chỉnh cho phù hợp;

b) Căn cứ phương án thiết kế tuyến của dự án quốc lộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh mục các điểm đầu nối (kể cả cửa hàng xăng dầu) theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường và gửi đến Bộ Giao thông vận tải để được thỏa thuận các vấn đề có liên quan; căn cứ ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật tuyến đường.

6. Đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đang khai thác

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập quy hoạch các điểm đầu nối. Trình tự lập, thỏa thuận, phê duyệt và thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối được quy định tại Điều 20 Thông tư này;

b) Chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao điểm đầu nối phải tự xóa bỏ hoặc cải tạo nút giao và không được bồi thường, hỗ trợ khi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền yêu cầu xóa bỏ hoặc cải tạo nút giao.

Điều 20. Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ

Quy hoạch các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí và hình thức giao cắt giữa quốc lộ với các đường nhánh để xây dựng các nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giao nhiệm vụ cho đơn vị tư vấn có đủ năng lực xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối và giao cho các cơ quan chức năng của địa phương thẩm định nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối trước khi thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải. Việc lập quy hoạch các điểm đầu nối có thể thực hiện cho tất cả các tuyến quốc lộ hoặc lập riêng cho từng tuyến quốc lộ qua địa bàn. Nội dung cơ bản của công tác quy hoạch các điểm đầu nối như sau:

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của quốc lộ cần đầu nối.

2. Khảo sát, thống kê:

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này. Xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của Tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô;

b) Thống kê các đoạn tuyến quốc lộ trong đô thị, ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài quốc lộ;

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m (hai mét năm mươi) đã đầu nối tự phát vào quốc lộ trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 186/2004/NĐ-CP) có hiệu lực, chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, chưa có nhu cầu cải tạo, mở rộng điểm đầu nối vào quốc lộ để có lộ trình xóa bỏ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 25;

d) Cửa hàng xăng dầu đã xây dựng theo Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Bộ Công thương) phê duyệt; trong đó, phân loại cửa hàng xăng dầu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và không cho phép sử dụng tạm thời hành lang an toàn đường bộ để làm đường dẫn ra, vào.

Trường hợp địa phương chưa có quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu, cơ quan được giao nhiệm vụ quy hoạch các điểm đầu nối phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về Công thương cấp tỉnh lập quy hoạch các điểm đầu nối trong đó có điểm đầu nối là đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu.

3. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan chức năng địa phương về một số nội dung như: Sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch đất xây dựng đường gom; quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu có liên quan đến việc khai thác sử dụng các điểm đầu nối.

4. Quy hoạch các điểm đầu nối của mỗi tuyến quốc lộ được lập thành bộ hồ sơ riêng để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối gồm:

a) Thuyết minh quy hoạch các điểm đầu nối

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên quốc lộ được quy hoạch các điểm đầu nối;

- Hiện trạng của tuyến quốc lộ: Cấp đường, điểm đầu, điểm cuối; các vị trí đặc biệt (như khu vực nội thành, nội thị, cầu lớn, hầm đường bộ, điểm giao cắt với đường sắt...); tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; các thông tin về quy hoạch của tuyến đường;

- Bản giải trình lý do các đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; lý do các điểm đầu nối trong quy hoạch nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định; lộ trình xóa bỏ các đường nhánh có quy mô nhỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

- Quy hoạch hệ thống các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

- Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các đô thị có tuyến quốc lộ đi qua (nếu có);

- Ý kiến của Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý quốc lộ đối với nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối.

b) Bảng quy hoạch các điểm đầu nối:

- Bảng tổng hợp một số nội dung cơ bản về hiện trạng và quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ;

- Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp quy hoạch các điểm đầu nối.

5. Thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị thỏa thuận kèm theo 01 bộ (một bộ) hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối (cả File điện tử của hồ sơ quy hoạch) về Bộ Giao thông vận tải; gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam 01 bộ (một bộ);

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam nghiên cứu hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo và trình Bộ Giao thông vận tải xem xét thỏa thuận quy hoạch các điểm đầu nối; trường hợp cần thiết, có ý kiến tham gia bằng văn bản đề nghị địa phương bổ sung, điều chỉnh trước khi trình Bộ Giao thông vận tải.

6. Kinh phí lập quy hoạch các điểm đầu nối áp dụng định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các sản phẩm chủ yếu theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch

1. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch

a) Căn cứ văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; gửi hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp thực hiện;

b) Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong Quy hoạch, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này để được giải quyết.

2. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối theo Quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó. Xóa bỏ theo lộ trình đối với các điểm đầu nối đường nhánh có quy mô nhỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

3. Các địa phương đã có thỏa thuận Quy hoạch các điểm đầu nối với Bộ Giao thông vận tải hoặc đã gửi hồ sơ Quy hoạch các điểm đầu nối về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam (theo dấu bưu điện) trước ngày Thông tư này

có hiệu lực, nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Thông tư này, gửi hồ sơ Quy hoạch các điểm đầu nối điều chỉnh về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam để xem xét, giải quyết.

4. Nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông theo quy định, có giấy phép thi công do Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải cấp.

Điều 22. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ

Chủ công trình, dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao sử dụng điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ. Bộ Giao thông vận tải phân cấp cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; quy định hồ sơ chấp thuận Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao như sau:

1. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, lưu giữ hồ sơ của nút giao đầu nối liên quan đến đường quản lý theo quy chế riêng, đường cấp I, đường cấp II và đường cấp III;

b) Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, lưu giữ hồ sơ của các nút giao đầu nối liên quan đến đường cấp IV trở xuống được giao quản lý;

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó, cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo (bản chính), theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;

- Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao chụp);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ Giao thông vận tải chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào quốc lộ đã được Bộ Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

6. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành, nếu quá 12 tháng, làm đơn đề nghị gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại khoản 5 Điều 13 của Thông tư này.

Điều 23. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được phê duyệt thiết kế và triển khai thi công:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

b) Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định;

c) Phê duyệt dự án, công trình nút giao theo quy định hiện hành;

d) Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

Cơ quan có thẩm quyền là Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến quốc lộ.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này;

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao chụp có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

Điều 24. Đấu nối tạm có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đấu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đấu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đấu nối tạm quy định tại khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đấu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đấu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đấu nối gần nhất có trong Quy hoạch các điểm đấu nối đã được phê duyệt.

3. Trình tự thực hiện, hồ sơ và thời hạn chấp thuận xây dựng đấu nối tạm thời thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời gửi về Sở Giao thông vận tải 01 bộ hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

- Văn bản của Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến đường về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đấu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đấu nối tạm, đề xuất phương án xử lý;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị thỏa thuận điểm đầu nối tạm thời đến Bộ Giao thông vận tải kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này. Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nêu rõ lý do; vị trí, lý trình điểm đầu nối; thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời và ý kiến liên quan đến hoàn trả hiện trạng ban đầu;

d) Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận đầu nối tạm thời trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không chấp thuận đầu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản.

4. Việc chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công điểm đầu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Thông tư này.

Điều 25. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với đường dân sinh đầu nối tự phát vào quốc lộ trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực và chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m (hai mét năm mươi), trong khi chưa xây dựng được đường gom, cho phép tồn tại và giữ nguyên hiện trạng đến hết năm 2015.

2. Đối với các cửa hàng xăng dầu đã đầu nối vào quốc lộ theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, nếu không đủ khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu theo quy định tại Thông tư này, được tiếp tục tồn tại nhưng địa phương phải hoàn thành việc điều chỉnh hoặc xóa bỏ theo quy hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đầu nối trái phép vào quốc lộ hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ, quy mô không bảo đảm, hiện đang tồn tại dọc hai bên quốc lộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nới, mở rộng; người sử dụng đất phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nới, mở rộng. Trường hợp công trình bị xuống cấp, chưa được nhà nước đền bù, giải tỏa và người sử dụng có nhu cầu để sử dụng, xem xét kiểm kê đất và tài sản trên đó để có cơ sở đền bù hoặc cấp phép thi công tạm thời.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

5. Đối với trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, kiên quyết giải tỏa, không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

6. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải tỏa khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai phải căn cứ mốc thời gian xây dựng công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ.

Các Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

a) Công trình xây dựng trước ngày 21 tháng 12 năm 1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ;

b) Công trình xây dựng từ ngày 21 tháng 12 năm 1982 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2000 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

c) Công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 đến trước ngày 30 tháng 11 năm 2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ;

d) Công trình xây dựng từ ngày 30 tháng 11 năm 2004 đến trước ngày 15 tháng 4 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 04 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

1. Đơn vị quản lý đường bộ (đối với đường đang khai thác) hoặc chủ đầu tư (đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo) chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng phương án cấm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên thực địa và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

2. Đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Ngay khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thanh tra đường bộ để phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền.

3. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Đường bộ và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; đồng thời, định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

4. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm chính trong công tác quản lý, bảo vệ công trình đường bộ và đất của đường bộ. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ. Ngay khi phát hiện đơn vị quản lý đường bộ phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm; nếu cần thiết, phải áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ. Trong vòng 24 giờ sau khi lập biên bản vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ vi phạm gửi Thanh tra đường bộ và cơ quan bảo vệ pháp luật tại địa phương đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và biện pháp xử lý các vi phạm hành lang an toàn đường bộ chưa được xử lý, giải quyết triệt để; đồng thời, báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với quốc lộ) hoặc về Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các đường thuộc địa phương quản lý) để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

Cập nhật số liệu của công trình thiết yếu được xây dựng mới, công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp vào sơ đồ quản lý công trình thiết yếu của tuyến đường bộ được giao quản lý.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam căn cứ các quy định tại Thông tư này, tổ chức thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ trong phạm vi cả nước;

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp chứng chỉ quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng dọc hai bên đường bộ;

b) Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom (nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ) dọc hai bên quốc lộ theo Quy hoạch các điểm đầu nối đã phê duyệt; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng người dân xây dựng nhà dọc quốc lộ, mở đường từ nhà ở đầu nối trực tiếp vào quốc lộ.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ và không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải;

b) Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

c) Phối hợp với Đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phát hiện và phối hợp với Đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

b) Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu của đơn vị quản lý đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Thanh tra đường bộ

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cưỡng chế để giải tỏa;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ; xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương V

ĐẶT SỐ HIỆU VÀ MÃ SỐ ĐƯỜNG TỈNH

Điều 29. Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh

1. Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Đường tỉnh đã được đặt số hiệu trước khi Thông tư này có hiệu lực, giữ nguyên như cũ.

Điều 30. Mã số đường tỉnh

1. Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh.

2. Mã số đường tỉnh là số tự nhiên có 03 (ba) chữ số; quy định mã số đường tỉnh cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

Chương VI

BẢO ĐẢM GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG KHI THI CÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

Mục 1

TRƯỚC KHI THI CÔNG

Điều 31. Cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác

1. Việc xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu, công trình đường bộ, cầu nổi, biển quảng cáo tạm thời xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ được thực hiện sau khi có giấy phép thi công do Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải (cơ quan được giao trực tiếp quản lý tuyến quốc lộ) cấp, giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này. Trước khi triển khai thi công, chủ đầu tư dự án công trình hoặc nhà thầu thi công gửi hồ sơ đề nghị được cấp phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17 Thông tư này.

2. Khu Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, cập nhật thông tin bổ sung vào hồ sơ quản lý công trình của tuyến đường bộ được giao quản lý; gửi văn bản thỏa thuận, giấy phép thi công về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Ban Thanh tra đường bộ khu vực hoặc Thanh tra Sở Giao thông vận tải để theo dõi, giám sát và xử lý khi có vi phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường để thi công

Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thi công hoặc có văn bản thỏa thuận thi công phải làm thủ tục nhận bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công với đơn vị quản lý đường bộ. Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường, tổ chức, cá nhân thi

công phải chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; đồng thời, chịu mọi trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để xảy ra tai nạn giao thông.

Mục 2

TRONG KHI THI CÔNG

Điều 33. Biện pháp và thời gian thi công

1. Trong suốt quá trình thi công, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng biện pháp, thời gian thi công đã được thống nhất, phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện có. Trong trường hợp không thể tránh được, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công công trình đường bộ trên đường bộ đang khai thác là hạng mục công việc trong thiết kế tổ chức thi công và là một phần kinh phí của gói thầu.

3. Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu sự kiểm tra của đơn vị quản lý đường bộ và thanh tra giao thông đường bộ trong việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn giao thông khi thi công tại Thông tư này và trong giấy phép thi công đồng thời chịu mọi trách nhiệm về sự mất an toàn giao thông do thi công gây ra.

Điều 34. Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Tổ chức, cá nhân thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ ngoài việc thực hiện các quy định có liên quan tại Thông tư này còn phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Không để vật liệu, xe máy thi công che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trên đường bộ đang khai thác;

b) Không để khói, bụi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường bộ đang khai thác;

c) Khi thi công lắp đặt các thiết bị có độ dài, kích thước lớn, phải có biện pháp bảo đảm an toàn không được để rơi, đổ vào đường bộ đang khai thác;

d) Có biện pháp thi công để không ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ hiện có. Trường hợp gây ảnh hưởng, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm việc san, đò, ủi đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ mà không phục vụ việc thi công công trình hợp pháp.

Điều 35. Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ

1. Khi thi công cầu mới nếu tiếp tục sử dụng cầu cũ để thông xe, đơn vị thi công cầu mới phải chịu trách nhiệm đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt trên cầu cũ cho đến khi cầu mới được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

2. Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ bảo đảm an toàn giao thông phải được hoàn thành trước khi thi công công trình chính. Đường tránh, cầu tạm phải bảo đảm cho các loại phương tiện giao thông có tải trọng và kích cỡ mà đường cũ đã cho phép qua lại an toàn. Đường tránh, cầu tạm tại quốc lộ có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên phải có ít nhất 02 làn xe. Hệ thống báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông phải theo đúng quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ hiện hành.

Điều 36. Người cảnh giới

Trong suốt thời gian thi công nhất thiết phải có người cảnh giới, hướng dẫn giao thông; khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định như: biển chỉ dẫn, cờ và đèn đỏ vào ban đêm. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông phải đeo băng đỏ bên cánh tay trái, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm.

Điều 37. Biển hiệu, phù hiệu, trang phục khi thi công

Tổ chức, cá nhân thi công phải có biển hiệu ở hai đầu đoạn đường thi công ghi rõ tên của cơ quan quản lý dự án hoặc chủ quản; tên đơn vị thi công, lý trình thi công, địa chỉ văn phòng công trường, số điện thoại liên hệ và tên của người chỉ huy trường công trường; người chỉ huy công trường nhất thiết phải có phù hiệu riêng để nhận biết, người làm việc trên đường phải mặc trang phục bảo hộ lao động theo quy định.

Điều 38. Xe máy thi công

1. Các xe máy thi công trên đường phải có đầy đủ thiết bị an toàn và đăng ký biển số theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài giờ thi công, xe máy thi công phải được tập kết vào bãi. Trường hợp không có bãi tập kết, phải đưa vào sát lề đường, tại những nơi dễ phát hiện và có biển báo hiệu cho người tham gia giao thông trên đường nhận biết.

3. Xe máy thi công hư hỏng phải tìm mọi cách đưa sát vào lề đường và phải có báo hiệu theo quy định.

Điều 39. Thi công ở nền đường, mặt đường, mặt cầu

Khi thi công ở nền đường, mặt đường, mặt cầu phải dành lại phần nền đường, mặt đường, mặt cầu để cho xe và người đi bộ qua lại, cụ thể như sau:

1. Mặt đường, mặt cầu rộng từ 3 làn xe trở xuống phải để ít nhất 1 làn xe.

2. Mặt đường, mặt cầu rộng trên 3 làn xe phải để ít nhất 2 làn xe.

3. Trường hợp không đủ bề rộng 1 làn xe hoặc có nguy cơ gây ùn tắc giao thông, phải làm đường tránh, cầu tạm. Với trường hợp tuyến đường độc đạo, mặt đường thi công hẹp không thỏa mãn các điều kiện thực tế nêu trên, có nguy cơ cao gây ách tắc giao thông trong khu vực thi công, phải đề xuất phương án đảm bảo giao

thông ngay từ bước lập dự án (kể cả hỗ trợ bằng đường thủy, đường sắt); các hạng mục thành phần này phải được triển khai thi công trước, bảo đảm đưa vào khai thác trước khi thi công tuyển chính.

4. Trường hợp đào để mở rộng nền đường, đào đến đâu phải đắp ngay đến đó. Trường hợp thi công trên các đoạn nền đất yếu, đào hạ nền đường, đắp nền cao hơn 2 mét, phải có biện pháp riêng về tổ chức bảo đảm giao thông được tư vấn giám sát và Chủ công trình chấp thuận và cần có biện pháp ứng phó khi gặp trời mưa, thời tiết xấu.

5. Khi thi công móng và mặt đường: chiều dài mũi thi công không quá 300 mét, các mũi thi công cách nhau ít nhất 500 mét. Trong mùa mưa lũ, phải hoàn thành thi công dứt điểm từng đoạn sau mỗi ca, mỗi ngày, không để trôi vật liệu ra hai bên đường làm hư hỏng tài sản của nhân dân và gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp thi công công ngang đường mà không có đường tránh bảo đảm giao thông, chỉ được thi công tối đa trên 1/2 bề rộng mặt đường, 1/2 bề rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông. Các đường có lưu lượng xe lớn chỉ được thi công trên 1/3 chiều rộng mặt đường, 2/3 chiều rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông. Đối với đường có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên, nếu không đủ hai làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ hai làn xe. Đối với đường có tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV, V và cấp VI, nếu không đủ một làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ một làn xe. Khi thi công phải có hàng rào hộ lan quanh hố đào và đặt báo hiệu theo quy định về báo hiệu đường bộ hiện hành.

7. Khi thi công trên đường phải có phương án và thời gian thi công thích hợp với đặc điểm của từng loại công trình.

Điều 40. Vật liệu thi công

1. Vật liệu thi công chỉ được đưa ra đường đủ dùng từ 2 đến 3 đoạn thi công và chiều dài để vật liệu không kéo dài quá 300 mét. Phải để vật liệu ở một bên lề đường, không được để song song cả hai bên làm thu hẹp nền, mặt đường.

2. Trước đợt mưa lũ phải thi công dứt điểm, thu dọn hết vật liệu thừa trên đường và phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông trong trường hợp xảy ra sự cố cầu, đường do mưa lũ gây ra trong phạm vi mặt bằng được giao thi công và phải gửi phương án đảm bảo an toàn giao thông cho đơn vị quản lý đường bộ địa phương để phối hợp.

3. Nghiêm cấm để các loại vật liệu tràn lan gây cản trở giao thông hoặc chảy ra mặt đường gây trơn trượt mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường hoặc đốt nhựa đường trên đường ở những nơi đông dân cư.

Điều 41. Thi công có sử dụng mìn hoặc có cấm đường

Khi thi công có sử dụng mìn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu nổ và bảo đảm an toàn. Ngoài ra, các trường hợp phải ngăn đường, cấm đường còn phải thực hiện các quy định sau:

1. Mỗi đợt ngăn đường, cấm đường không được kéo dài quá 01 giờ và phải cách nhau ít nhất 04 giờ để bảo đảm giao thông thông suốt. Phải bố trí thời gian cấm đường vào giờ thấp điểm.

2. Trong trường hợp cần thiết yêu cầu thời gian ngăn đường, cấm đường quá thời gian quy định tại khoản 1 Điều này phải được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận đối với quốc lộ, Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với đường địa phương. Đối với các dự án có khối lượng thi công nổ phá mìn lớn, có nhiều gói thầu, nhiều mũi thi công, Chủ đầu tư phải tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương về thời gian nổ mìn, thống nhất với cơ quan cấp phép thi công và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Cấm nổ mìn từ 19 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau ở những nơi gần khu dân cư.

Điều 42. Thi công chặt cây ven đường

1. Khi chặt cây ven đường phải có báo hiệu và tổ chức gác hai đầu và bảo đảm khoảng cách an toàn; không cho cây đổ vào lòng đường gây cản trở giao thông. Trường hợp bắt buộc phải cho cây đổ vào lòng đường phải nhanh chóng đưa cây ra sát lề đường; khi chặt cây ở bất kỳ bộ phận nào của đường đều phải đào bỏ rễ cây và hoàn trả lại nguyên trạng bộ phận đường đó.

2. Nghiêm cấm các hành vi lao càn cây, các vật từ trên cao xuống nền, mặt đường.

Điều 43. Thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm

1. Đối với việc thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm khi vừa thi công sửa chữa, vừa cho xe qua lại phải tiến hành bảo đảm giao thông, cụ thể là lắp đặt biển báo hiệu đường hẹp, biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường theo đúng quy định; tổ chức gác chắn và có người điều hành giao thông 24/24 giờ; vật tư, thiết bị thi công phải để gọn gàng vào bên trong hàng rào ngăn cách giữa phần dành cho thi công với phần dành cho giao thông; hệ thống dẫn điện, nước phục vụ thi công phải thường xuyên được kiểm tra để tránh xảy ra tai nạn.

2. Trường hợp không thể vừa thi công vừa bảo đảm giao thông, nhất thiết phải có đường tránh.

Điều 44. Thi công mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao

Khi thi công sửa chữa hoặc mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao, phải sửa 1/2 bề rộng của đường, phần còn lại của đường dành cho việc lên, xuống không nhỏ hơn 4 mét đối với đường lên, xuống cầu phao; không nhỏ hơn 6 mét đối với đường lên, xuống phà và phải có đủ thiết bị an toàn. Trường hợp không đủ bề rộng tối thiểu, không đảm bảo an toàn cho xe lên, xuống phà, cầu phao phải làm bến tạm.

Điều 45. Trục vớt phao, phà bị đắm

Trường hợp thi công trục vớt phao, phà bị đắm, kể cả việc thanh thải các chướng ngại vật ở lòng sông dưới cầu phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định và phải dọn luồng cho cầu phao, phà hoạt động bình thường không để ách tắc giao thông.

Điều 46. Thu dọn mặt bằng, hiện trường và tiếp nhận bàn giao

1. Sau khi hoàn thành việc thi công một đoạn dài không quá 01 km hoặc 01 cầu, 01 cống; tổ chức, cá nhân thi công phải thu dọn toàn bộ các chướng ngại vật, hoàn trả lại mặt đường để giao thông được thông suốt, an toàn.

2. Trước khi nghiệm thu, bàn giao công trình, phải dọn toàn bộ vật liệu thừa, di chuyển máy móc, thiết bị, thanh thải các chướng ngại vật và sửa chữa các hư hỏng (nếu có) của công trình đường bộ do thi công gây ra.

3. Sau khi hoàn thành các công việc trên, tổ chức, cá nhân thi công báo cáo Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định; đồng thời bàn giao lại hiện trường, mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ đã bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản.

4. Đơn vị quản lý đường bộ phải kiểm tra thực tế hiện trường; nếu phát hiện thấy hiện trường chưa được thu dọn, công trình đường bộ bị hư hỏng do việc thi công gây ra mà không được sửa chữa, trả lại nguyên trạng có quyền từ chối nhận bàn giao hoặc yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, cá nhân thi công đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật, đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm làm thủ tục tiếp nhận việc bàn giao mặt bằng, hiện trường và tổ chức quản lý, bảo trì theo quy định.

Điều 47. Công trình đã hoàn thành thi công nhưng chưa nghiệm thu, bàn giao công trình

1. Chủ đầu tư phải khẩn trương hoàn thành công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với công trình thi công trên đường bộ đang khai thác, nhà thầu thi công có trách nhiệm tiếp tục bảo đảm giao thông, an toàn giao thông đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị quản lý tuyến đường.

3. Đối với công trình thi công là đường chưa khai thác (công trình xây dựng đường mới, tuyến tránh; sửa chữa, cải tạo cầu, đường nhưng có đường công vụ phục vụ thi công), nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo vệ công trình, không cho các phương tiện tham gia giao thông khi chưa có lệnh thông xe và chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan cho tới khi bàn giao cho đơn vị quản lý.

Điều 48. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu trong suốt quá trình thi công, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp nhà thầu vi phạm và đã nhận được kiến nghị của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền nhưng không chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, tiếp tục để xảy ra tình trạng mất an toàn giao thông khi thi công, Chủ đầu tư xem xét xử phạt theo hợp đồng kinh tế hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp xử lý thích hợp.

2. Khi ký kết hợp đồng xây dựng, Chủ đầu tư phải thỏa thuận với nhà thầu thi công điều, khoản xử phạt vi phạm hợp đồng nếu không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây mất an toàn và ùn tắc giao thông.

Chương VII

THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 49. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Đối với hệ thống quốc lộ, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông; Cơ quan quản lý nhà nước có chức năng về quản lý xây dựng công trình giao thông đường bộ chủ trì thẩm định an toàn giao thông đối với các dự án do Bộ Giao thông vận tải là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông, tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông (kể cả dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT, BT, BTO);

b) Đối với các hệ thống đường địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông và tổ chức thực hiện (kể cả dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT, BT, BTO);

c) Đối với đường chuyên dùng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông, quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

a) Bộ Giao thông vận tải quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường cao tốc;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với quốc lộ (trừ đường cao tốc);

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện.

Điều 50. Các căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông

1. Đối với đường xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 49 Thông tư này về việc thực hiện thẩm định an toàn giao thông và các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông của dự án;

b) Hồ sơ dự án: Báo cáo đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước, 2 bước) và các tài liệu liên quan đến dự án.

Đối với trường hợp thẩm định an toàn giao thông trước khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình đường bộ vào khai thác phải có biên bản kiểm tra hiện trường giữa Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông với chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, nhà thầu thi công, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát;

c) Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng cho dự án;

d) Đề cương, dự toán kinh phí thẩm tra an toàn giao thông do chủ đầu tư lập; trường hợp thuê tư vấn lập, chủ đầu tư tổ chức thẩm định đề cương, dự toán trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với đường đang khai thác

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 49 Thông tư này về tuyến hoặc đoạn tuyến thẩm định an toàn giao thông;

b) Hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý đường của cơ quan trực tiếp quản lý tuyến hoặc đoạn tuyến, hồ sơ các vụ tai nạn giao thông;

c) Đề cương, dự toán kinh phí thẩm tra an toàn giao thông do tổ chức quản lý đường bộ lập.

Điều 51. Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông

Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Thông tin chung về dự án:

a) Tên của dự án và giai đoạn công tác thẩm định được thực hiện;

b) Tên của chủ nhiệm thẩm tra và thẩm tra viên.

2. Thông tin cơ sở:

a) Liệt kê tài liệu đã thu thập dùng cho công tác thẩm tra (các báo cáo, các bản vẽ liên quan);

b) Mô tả ngắn gọn các đề xuất;

c) Các chi tiết khi đi thị sát và đánh giá hiện trường;

d) Các phát hiện và khuyến nghị;

đ) Thông báo về những vấn đề phát hiện được trong các chuyến khảo sát hiện trường và nghiên cứu các tài liệu được cung cấp. Có thể dùng hình ảnh hoặc băng video để hỗ trợ cho việc này;

e) Các khuyến nghị (nếu có) về công tác sửa chữa, khắc phục;

g) Thông báo chính thức.

Thông báo của Tổ chức thẩm tra về việc hoàn thành công tác thẩm tra có ghi rõ ngày, tháng, năm và ký tên của chủ nhiệm thẩm tra, thẩm tra viên.

Điều 52. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông

Trong mỗi giai đoạn thẩm định an toàn giao thông, trình tự thẩm tra, thẩm định được tiến hành theo các bước; tùy theo dự án cụ thể, có thể kết hợp hoặc bỏ qua một số bước (hướng dẫn tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này).

Điều 53. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông và giai đoạn phải thẩm định an toàn giao thông.

2. Chủ đầu tư duyệt đề cương và dự toán kinh phí thẩm tra an toàn giao thông. Tuyển chọn tổ chức thẩm tra an toàn giao thông theo quy định của Luật Đấu thầu; hai bên trao đổi các nội dung công việc thẩm tra, ký kết hợp đồng về thẩm tra an toàn giao thông.

3. Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế (và nhà thầu cung cấp bản vẽ hoàn công ở giai đoạn trước khi đưa công trình vào khai thác) cung cấp hồ sơ dự án và tất cả các thông tin có liên quan khác về dự án cho tổ chức thẩm tra an toàn giao thông.

4. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông rà soát các hồ sơ thiết kế dự án và các thông tin liên quan khác, xem xét tất cả các đối tượng tham gia giao thông và dự kiến khai thác công trình trong mối tương quan với các khu vực gần kề và mạng lưới đường bộ có liên quan.

5. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông tiến hành kiểm tra hiện trường để tìm hiểu và phát hiện mối liên hệ giữa dự án với các đối tượng tham gia giao thông sau này và khu vực gần kề. Riêng đối với giai đoạn thẩm định trước khi đưa đường vào khai thác, phải kiểm tra cả ban đêm.

6. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông phối hợp với tư vấn thiết kế và nhà thầu ở giai đoạn trước khi đưa đường vào khai thác xem xét ảnh hưởng của dự án có sự ảnh hưởng đến an toàn giao thông và các công trình gần kề. Đối với giai đoạn thẩm định an toàn giao thông trước khi đưa đường vào khai thác, phải có sự tham gia của cơ quan tiếp nhận quản lý đường bộ.

7. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, trong đó nêu rõ kết luận các tồn tại về an toàn giao thông, các đề xuất và biện pháp khắc phục nhằm nâng cao an toàn giao thông của dự án; gửi báo cáo thẩm tra an toàn giao thông cho chủ đầu tư và tư vấn thiết kế, nhà thầu ở giai đoạn trước khi đưa đường vào khai thác.

8. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định kết quả báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và ra văn bản về nội dung báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

9. Tư vấn thiết kế, nhà thầu ở giai đoạn trước khi đưa đường vào khai thác có trách nhiệm tiếp thu bằng văn bản các đề xuất, kiến nghị nêu trong quyết định chấp thuận kết quả báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và chỉnh sửa hồ sơ dự án. Nếu có những điểm chưa thống nhất, tư vấn thiết kế và nhà thầu phải gửi văn bản lên chủ đầu tư giải thích rõ những đề xuất kiến nghị còn chưa thống nhất. Chủ đầu tư xem xét quyết định trong phạm vi thẩm quyền của mình. Trường hợp chưa thống nhất, phải báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét và quyết định.

Điều 54. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác

1. Việc tuyển chọn tuyến đường bộ đang khai thác để thẩm định an toàn giao thông được tiến hành theo trình tự sau:

a) Cơ quan quản lý đường bộ (Cơ quan quản lý đường cao tốc; Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải đối với quốc lộ được giao quản lý; Sở Giao thông vận tải đối với các hệ thống đường địa phương hoặc Tổ chức quản lý đường bộ (Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án đối với đường đang khai thác theo hợp đồng BOT, BTO; cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng) đề xuất lên cấp có thẩm quyền (quy định tại khoản 2 Điều 49 Thông tư này) những tuyến đường cần thẩm định an toàn giao thông;

b) Cấp có thẩm quyền lựa chọn và quyết định tuyến đường cần thẩm định an toàn giao thông; việc lựa chọn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý đường bộ hoặc Tổ chức quản lý đường bộ tiến hành lập hoặc thuê lập Đề cương và Dự toán chi phí thẩm tra an toàn giao thông, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuyển chọn Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông theo quy định của Luật Đấu thầu. Cơ quan quản lý đường bộ hoặc Tổ chức quản lý đường bộ cùng với Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông trao đổi các nội dung công việc thẩm tra, ký hợp đồng kinh tế về thẩm tra an toàn giao thông.

3. Cơ quan quản lý đường bộ hoặc Tổ chức quản lý đường bộ có trách nhiệm cung cấp hồ sơ tuyến đường cần thẩm định an toàn giao thông và tất cả các thông tin liên quan khác về tuyến đường cần thẩm định an toàn giao thông cho Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông.

4. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông rà soát, xem xét các hồ sơ và các thông tin liên quan khác, cân nhắc xem xét tất cả các loại đối tượng tham gia giao thông và việc khai thác công trình trong mối tương quan dưới góc độ an toàn giao thông.

5. Nếu tuyến đường đang thẩm tra an toàn giao thông đáp ứng đủ các tiêu chí điểm đen về tai nạn giao thông đường bộ (theo quy định khảo sát, xác định và xử lý điểm đen) thì cần kiểm tra, xem xét hiện trường theo trình tự xử lý điểm đen.

6. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông tiến hành kiểm tra hiện trường (kiểm tra cả ngày lẫn đêm) để xác định rõ những vấn đề mất an toàn hoặc những đặc điểm có khả năng gây ra tai nạn giao thông.

7. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông phối hợp với cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ, Ban An toàn giao thông địa phương và Cảnh sát giao thông thảo luận xem xét tình hình an toàn của tuyến đường đang được thẩm tra.

8. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông lập Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông nêu rõ kết luận các tồn tại về an toàn giao thông, các đề xuất và biện pháp khắc phục nhằm nâng cao an toàn cho tuyến đường. Báo cáo Thẩm tra an toàn giao thông trình Cơ quan quản lý đường bộ hoặc Tổ chức quản lý đường bộ.

9. Cơ quan quản lý đường bộ hoặc Tổ chức quản lý đường bộ có trách nhiệm xem xét và lập Tờ trình thẩm định Báo cáo Thẩm tra an toàn giao thông trình cấp có thẩm quyền.

10. Cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và ra văn bản về nội dung báo cáo thẩm tra an toàn giao thông. Nếu kiến nghị trong báo cáo thẩm tra an toàn giao thông được chấp thuận thì cấp có thẩm quyền xác định thứ tự ưu tiên cho các đề xuất và bố trí kế hoạch vốn để thực hiện cải tạo đường.

Điều 55. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình

Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập báo cáo đầu tư của các dự án (hạng chế) được dựa trên các phương án dự kiến quy mô đầu tư (tổng quát của phương án thiết kế cơ sở) để xem xét. Các công việc thẩm định về an toàn giao thông tương tự như giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điều 56, nhưng nội dung chỉ ở mức tổng quát.

Điều 56. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

1. Những giải pháp tổng thể về quy mô kỹ thuật của dự án

a) Sự phù hợp về phương án tuyến đi qua các điểm khống chế, vị trí giao cắt, khoảng cách giữa các nút giao (giao bằng, giao trục thông, giao liên thông...);

b) Sự hợp lý về phương án thiết kế các công trình trên tuyến, hệ thống thoát nước, các điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn; ảnh hưởng của cảnh quan môi trường, của các công trình dịch vụ, đường vào khu dân cư và các khu vực khác, lối đi cho xe cứu hỏa, cứu thương; khả năng mở rộng tuyến trong tương lai.

2. Đặc trưng hình học của bình đồ, trắc dọc, mặt cắt ngang điển hình và thay đổi mặt cắt, tổ chức giao thông, tiêu chuẩn thiết kế.

3. Tầm nhìn, đoạn quá độ, khả năng nhận biết, phản ứng của lái xe.

4. Tầm nhìn khi vào và tầm nhìn tại nút giao, bố trí tổng thể, mặt cắt ngang.

5. Đánh giá ảnh hưởng của các công trình ven đường, các công trình dành cho người đi bộ, phương tiện thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

6. Công tác an toàn trong thi công được thể hiện qua giải pháp tổng thể bảo đảm trong quá trình thi công (đường tránh, cầu tạm, bố trí mặt bằng thi công, biển báo hiệu, đèn chiếu sáng, điều khiển giao thông...).

7. Các khía cạnh an toàn giao thông khác chưa được đề cập.

Điều 57. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước và 2 bước) và trong quá trình xây dựng

1. Những thay đổi so với giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình là những vấn đề về: hệ thống thoát

nước, điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn; ảnh hưởng của cảnh quan môi trường của các công trình dịch vụ, đường qua khu dân cư và các khu vực khác, lối đi cho xe cứu hỏa, cứu thương; khả năng mở rộng công trình trong tương lai; hệ số an toàn giao thông, biểu đồ tốc độ xe chạy theo lý thuyết.

2. Các vấn đề cụ thể về đặc trưng hình học của bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình và sự thay đổi mặt cắt, bố trí chung, xử lý lề đường, hè đường; tập trung thẩm tra, thẩm định kỹ điều kiện bảo đảm an toàn giao thông khi một số chỉ tiêu kỹ thuật thiết kế đường có châm chước về Rmin, Rlồi, Rlõm, thiết kế tầm nhìn, trắc dọc; các vị trí taluy âm, dương có chiều cao đắp hoặc đào lớn.

3. Các chi tiết định tuyến: đoạn quá độ, khả năng nhận biết, xử lý của lái xe, chi tiết thiết kế hình học, xử lý tại các vị trí cầu, cống.

4. Các nút giao cắt và các điểm đầu nối:

a) Tầm nhìn khi xe ô tô đi vào nút và tầm nhìn tại nút giao, bố trí tổng thể của nút giao (nút giao liên thông và nút giao trực thông), các đường vào nút giao, khả năng nhận biết của lái xe, chi tiết thiết kế hình học của nút giao, đảo giao thông, chiếu sáng;

b) Vị trí các điểm đầu nối, phân tích sự hợp lý hoặc bất hợp lý về các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn giao thông như: khoảng cách giữa các nút giao, vị trí đầu nối, quy mô kết cấu, các yếu tố kỹ thuật về bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, độ dốc dọc và khoảng cách vượt nối.

5. Đánh giá ảnh hưởng của các công trình ven đường, các công trình bảo đảm an toàn giao thông cho người đi bộ, phương tiện thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

a) Đánh giá sự ảnh hưởng của các công trình đang vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ, thống kê đầy đủ các công trình nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trước khi thi công và sau khi thi công (nghiên cứu phương án giải phóng mặt bằng);

b) Thẩm định sự ảnh hưởng của các dòng xe khi chạy trộn dòng, sự sút giảm của tốc độ thực tế so với thiết kế và sự mất an toàn giao thông khi cho chạy trộn dòng hỗn hợp.

6. Biển báo hiệu, sơn kẻ đường, đèn chiếu sáng và điều khiển giao thông: Phát hiện sự bất hợp lý của hệ thống an toàn giao thông, đưa ra đề xuất cụ thể (điều chỉnh hoặc bổ sung) để hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác.

7. Các công trình khác: các công trình đặt gần sát với đường xe chạy có tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông như dải phân cách, rào chống va, tường hộ lan, gờ lượn sóng, các giải pháp an toàn mà tư vấn thiết kế đề xuất.

8. Chi tiết thiết kế cầu, hầm, cống: thẩm định sự hợp lý về vị trí bố trí công trình, độ dốc dọc đường hai đầu cầu, hầm, các đường nối ra, vào cầu và quy mô kết cấu công trình cầu, hầm, cống.

9. Công tác an toàn giao thông trong thi công: bố trí thiết bị thi công, các hoạt động trong quá trình thi công, quản lý và điều hành giao thông, các giải pháp cụ thể về an toàn giao thông (các phương án đường tránh, cầu tạm, dây chuyền thi công) đặc biệt lưu ý đối với các tuyến đường cải tạo, nâng cấp.

10. Các vấn đề về an toàn giao thông khác chưa được đề cập.

11. Báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định phải tổng hợp đánh giá những ảnh hưởng đến an toàn giao thông, từ đó kiến nghị tốc độ tối đa cho phép chạy xe khi hoàn thành dự án.

Điều 58. Nội dung thẩm tra an toàn giao thông giai đoạn trước khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác

1. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị gồm: chủ đầu tư, cảnh sát giao thông, tư vấn giám sát, đơn vị thi công và đơn vị được giao trực tiếp quản lý khai thác xem xét, kiểm tra các nội dung đã nêu trong báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của các giai đoạn trước đó để đối chiếu với kết quả đã thi công tại hiện trường (đối chiếu giữa hồ sơ thiết kế được duyệt với thực địa và tình trạng thực tế trên đường) chú ý về tổ chức giao thông, điều khiển giao thông cho các phương tiện thô sơ, người đi bộ; các làn đường rẽ, bến xe, các chướng ngại vật, tình trạng hư hỏng mặt đường, tình hình lấn chiếm, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

2. Đề xuất giải pháp bổ sung hoặc điều chỉnh nhằm bảo đảm an toàn giao thông tối đa trước khi đưa công trình vào khai thác.

Điều 59. Nội dung thẩm tra an toàn giao thông trong quá trình khai thác đường

Tổ chức được giao thẩm tra an toàn giao thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ xem xét, kiểm tra theo các nội dung trong đề cương thẩm tra an toàn giao thông được duyệt có sự đối chiếu giữa hồ sơ thiết kế (hồ sơ hoàn công) với thực địa và lưu lượng xe, tình trạng giao thông thực tế trên đường, sự lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ hai bên đường (kể cả hành lang an toàn của công trình cầu, cống...) để phát hiện kịp thời những yếu tố, nguy cơ dẫn đến mất an toàn giao thông, chú ý đến tổ chức và điều khiển giao thông cho các phương tiện thô sơ, người đi bộ, các làn phụ, đường rẽ, bến xe, các chướng ngại vật che khuất tầm nhìn, các biển quảng cáo (khu vực đô thị) và tình trạng đấu nối vào đường ưu tiên, sự xuất hiện bất hợp lý về yếu tố kỹ thuật mới nảy sinh trong quá trình khai thác, các hư hỏng mặt đường và những vị trí hành lang đường bộ bị vi phạm.

Điều 60. Danh mục các nội dung xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ

Danh mục các nội dung được xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ được quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.
2. Thông tư này thay thế:
 - a) Thông tư số 13/2005/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 186/2004/NĐ-CP;
 - b) Quyết định số 04/2006/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ;
 - c) Quyết định số 36/2005/QĐ-BGTVT ngày 21/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ;
 - d) Quyết định số 23/2007/QĐ-BGTVT ngày 07/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về thẩm định an toàn giao thông đường bộ.

Điều 62. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp, báo cáo với Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục 1**Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT**ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM
VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:.....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.
- (7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).
- (8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).
- (9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.
- (10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

Phụ lục 2

**Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT
ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**
Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi:.....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(.....2....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

-.....;

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

Phụ lục 3**Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao, đường nhánh đầu nối vào quốc lộ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:.....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(....2....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ *Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);*

+ *Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;*

+ *Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/QL...”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

Phụ lục 4**Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình***(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT**ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng.....năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi:.....(...4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5.);

(...2...) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày... tháng... năm... đến hết ngày... tháng... năm...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các

biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

(.....2.....)

- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

-.....;

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-.....;

- Lưu VT.

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công.

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

Phụ lục 5**Mẫu Giấy phép thi công***(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT**Ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***TỔNG CỤC ĐBVN (UBND TỈNH..) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Khu QLDB (Sở GTVT)...****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../..... -...

....., ngày..... tháng... năm 201..

GIẤY PHÉP THI CÔNG

Công trình:.....(1).....

Lý trình:.....Quốc lộ....

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ văn bản số:...../..... ngày...../...../200...của.....(2) chấp thuận thiết kế công trình...(1)....;

- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của....(3)... kèm theo cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư (5) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:.....(3).....

- Địa chỉ.....;

- Điện thoại.....;

-

2. Được phép thi công công trình:...(1)... trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông đường bộ từ lý trình Km..... đến Km..... Quốc lộ..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số:...../..... ngày...../...../200.. của.....(4)...., gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

c).....;

..).....

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo

an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

-.....(các nội dung khác nếu cần thiết).....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày../...../201...đến ngày...../...../201....

Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./.

Nơi nhận:

(.....2.....)

-.....;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

- Tổng cục ĐBVN (thay b/c);

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Ban Thanh tra ĐB...(đề p/h);

-.....;

- Lưu VT.

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế (Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải).

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công;

(4): Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).

(5) Cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư công trình thiết yếu, biển quảng cáo, nút giao đầu nối./.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Các Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp./.

Phụ lục 6

Các bước thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT
ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CÁC BƯỚC THẨM TRA, THẨM ĐỊNH AN TOÀN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ****Bước 1. Xác định dự án thẩm định an toàn giao thông****Giai đoạn thẩm định**

Căn cứ đánh giá mức độ phức tạp của dự án, chủ đầu tư thực hiện dự án quyết định các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông.

Thời gian thực hiện

Thẩm định an toàn giao thông phải được ghi vào kế hoạch dự án để đảm bảo có đủ thời gian cho việc:

- Tổ chức thẩm định an toàn giao thông theo quy định hiện hành;
- Hoàn thành thẩm định an toàn giao thông;
- Thực hiện chỉnh sửa dự án.

Thẩm định an toàn giao thông là một phần trong dự án. Công việc thẩm định an toàn giao thông cần phải có kế hoạch và thực hiện để không gây ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

Lập hồ sơ

Chủ đầu tư tổ chức lập hồ sơ cho từng dự án được thẩm định an toàn giao thông, bao gồm các giai đoạn cần thẩm định an toàn giao thông cho từng dự án.

Hồ sơ gồm những thông tin sau:

- Tên dự án;
- Số hồ sơ;
- Địa điểm dự án và thông tin tổng hợp;
- Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông được duyệt trong dự án;
- Đối với mỗi giai đoạn thẩm định an toàn giao thông đã được tiến hành:
 - + Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông được lựa chọn;
 - + Ngày bắt đầu và ngày hoàn thành thẩm định;
 - + Bản sao báo cáo thẩm định an toàn giao thông đã tiến hành;
 - + Các quyết định về thẩm định an toàn giao thông;
 - + Bản sao tất cả các công văn và tài liệu liên quan, gồm các cuộc họp và tài liệu thảo luận liên quan tới thẩm định an toàn giao thông.

Bước 2. Tuyển chọn tổ chức thẩm tra an toàn giao thông

Chủ đầu tư sẽ tuyển chọn một đơn vị để tiến hành thẩm tra an toàn giao thông và trình đề xuất này lên Người quyết định đầu tư phê duyệt theo Luật đấu thầu và Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và hướng dẫn thi hành việc lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng và thương thảo hợp đồng.

Bước 3. Cung cấp tài liệu để thẩm tra an toàn giao thông

Tư vấn thiết kế (và nhà thầu tùy theo giai đoạn) và chủ đầu tư (Khu Quản lý đường bộ - Sở Giao thông vận tải đối với thẩm định an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác) phải cung cấp cho tổ chức thẩm tra an toàn giao thông các bản vẽ cũng như thông tin cơ bản cần thiết cho việc thẩm tra. Loại thông tin và lượng thông tin còn phụ thuộc vào từng giai đoạn thẩm định an toàn giao thông. Các thông tin hữu ích khác gồm lưu lượng xe hiện tại và dự báo, thành phần xe gồm dự báo lưu lượng cho các nút giao lớn, nếu có sự sai lệch nào so với các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành trong quá trình thiết kế phải cho biết lý do, các báo cáo thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước (nếu có) và hồ sơ ghi lại những thay đổi trong dự án theo kết quả thẩm định an toàn giao thông. Nếu là dự án nâng cấp cải tạo đường bộ hiện có mà chưa được thẩm định các giai đoạn trước, phải có các thông tin tai nạn giao thông để hỗ trợ xác định những vị trí cần cải tạo.

Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông cần chuẩn bị tất cả các thông tin cần thiết trước khi bắt đầu thực hiện thẩm tra.

Việc thẩm tra an toàn giao thông phải bắt đầu bằng cuộc họp giữa chủ đầu tư, tư vấn thiết kế (và nhà thầu tùy theo giai đoạn) và tổ chức thẩm tra an toàn giao thông. Mục đích của cuộc họp này là định hướng cho hoạt động thẩm định an toàn giao thông trong dự án, giúp các bên biết được quá trình thẩm định an toàn giao thông. Tư vấn thiết kế sẽ trình bày những tiêu chí thiết kế và nêu bất kỳ thay đổi nào so với quy trình thiết kế hiện hành. Tương tự, tùy theo giai đoạn, nhà thầu phải giải trình những thay đổi trong thi công so với hồ sơ thiết kế.

Cuộc họp này phải thảo luận về những tình huống đặc biệt không có trong hồ sơ thiết kế dự án, ví dụ: những hạn chế về thiết kế có thể dẫn đến việc phải đưa những quyết định thiết kế đặc biệt (địa điểm công trình), tình trạng giao thông đặc biệt (hợp chợ) hoặc điều kiện thời tiết đặc biệt (sương mù).

Bước 4. Nghiên cứu tài liệu

Nghiên cứu tài liệu có liên quan đến công trình. Phải xác định, phân tích và xem xét bất kỳ vấn đề tiềm ẩn gây mất an toàn giao thông. Những vấn đề mất an toàn này được tổng hợp thành một danh mục cùng với các vấn đề cần được làm rõ mục đích khi đi hiện trường.

Danh mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong Phụ lục 7. Nếu có một số giai đoạn không được tiến hành thẩm định an toàn giao thông, cần phải xem các danh mục thẩm tra của các giai đoạn đó khi tiến hành thẩm định an toàn giao thông

ở giai đoạn tiếp theo. Danh mục thẩm tra an toàn giao thông là một công cụ đối với các thẩm tra viên còn hạn chế kinh nghiệm, tuy nhiên cũng không nên quá cứng nhắc khi sử dụng Phụ lục 7

Nếu dự án đã được thẩm định an toàn giao thông ở giai đoạn trước, phải xem lại báo cáo thẩm định lần đó.

Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông phải xem thiết kế có những điểm mất an toàn hay mối tương tác gây mất an toàn giữa các yếu tố thiết kế. Ngoài ra, thẩm tra viên phải đánh giá độ an toàn của dự án ở góc nhìn của các đối tượng tham gia giao thông như người đi bộ, người đi xe đạp, xe máy, ô tô, xe khách, xe tải. Cần quan tâm đến người đi bộ ở những độ tuổi khác nhau.

Khi xác định những mối nguy hiểm tiềm ẩn, tổ chức thẩm tra an toàn giao thông phải ghi lại một cách chi tiết, cho dù sau khi kiểm tra kỹ hơn mới phát hiện là không có gì ảnh hưởng đến an toàn giao thông còn hơn là không xác định được vấn đề này để đưa vào xem xét.

Trong khoảng thời gian trước khi kiểm tra hiện trường, tổ chức thẩm tra an toàn giao thông có thể gặp tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu nhằm làm rõ thông tin và đảm bảo nắm bắt chính xác thông tin và tình trạng dự án. Nghiên cứu lại tài liệu dự án sau khi đi kiểm tra hiện trường nếu như phát hiện thấy những vấn đề mới.

Bước 5. Đi khảo sát hiện trường

Đi khảo sát hiện trường để xác định mối liên hệ giữa dự án với những đặc điểm hiện có và các khu vực xung quanh.

Các vấn đề về an toàn giao thông hay về hoạt động của công trình thường xuất hiện khi đi khảo sát hiện trường. Những điều này thường khó nhận biết khi nghiên cứu bản vẽ thiết kế. Việc đi khảo sát hiện trường là hoàn toàn phù hợp đối với những công trình được triển khai thi công theo hướng tuyến đường cũ. Để xây dựng đường theo một hướng tuyến mới, việc đi khảo sát hiện trường có thể chỉ giúp mang lại cảm nhận về môi trường giao thông mà con đường sẽ được đưa vào khai thác.

Danh mục những vấn đề mất an toàn được xây dựng sau khi đánh giá tài liệu, cũng như danh mục thẩm tra an toàn giao thông và các ghi chép nên mang theo ra hiện trường. Ngoài ra, đối với thẩm định giai đoạn trước khi đưa đường vào khai thác và thẩm định an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác, cần phải đi khảo sát hiện trường cả lúc trời tối.

Khi đi khảo sát hiện trường, điều quan trọng là không chỉ kiểm tra dự án và những vấn đề tồn tại ở những khu vực đó mà còn kiểm tra những vùng lân cận và tình trạng giao thông thực tế. Dự án không nên tạo ra những mối nguy hiểm cho những vùng lân cận, chẳng hạn như làm cho dòng xe chuyển hướng chạy vào các tuyến đường địa phương làm cho lưu lượng xe trên các tuyến này tăng lên đột biến.

Những yếu tố biến đổi bên ngoài cũng có thể ảnh hưởng đến độ an toàn của công trình, như thời tiết xấu, sương mù hay lụt lội trong mùa mưa.

Phải quan sát kỹ giao thông trên đường và quan tâm đến lưu lượng xe thực tế và dự kiến vị trí xe chạy quay đầu, dừng và đỗ xe của tất cả các đối tượng tham gia giao thông. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông cố gắng nhập vai của những nhóm đối tượng chính tham gia giao thông trên đường (trong đó có người đi bộ) đi qua khu vực dự án.

Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông cần phải theo dõi những hiện tượng mới không có trong tài liệu thẩm định an toàn giao thông. Đó có thể là chỗ dành cho những người bán rong, lối đi cho người đi bộ - những nơi có nhiều người qua đường hoặc nơi có những hành vi lái xe đặc biệt.

Quan sát khi đi khảo sát hiện trường có thể được ghi chú ở những bản vẽ kỹ thuật hoặc ghi lại thành danh mục. Ảnh chụp được dùng để minh họa và hỗ trợ cho việc giải thích những vấn đề được xác định ngoài hiện trường.

Bước 6. Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông

Dựa trên danh sách các vấn đề mất an toàn, các quan sát trong quá trình nghiên cứu tài liệu và đi khảo sát hiện trường, tổ chức thẩm tra an toàn giao thông sẽ chuẩn bị báo cáo diễn giải bản chất vấn đề mất an toàn và thảo luận các giải pháp đề xuất cho những vấn đề đó.

Nếu có khúc mắc trong việc thực hiện giải pháp phù hợp cho vấn đề cụ thể, có thể tham khảo ý kiến của chuyên gia hoặc người nhiều kinh nghiệm. Mỗi đề xuất cần có tính ứng dụng cao và liên quan mật thiết đến phạm vi dự án.

Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông cần đề xuất một vài giải pháp cho từng vấn đề cụ thể. Tuy nhiên tất cả những đề xuất này phải được trình bày và lưu dưới dạng văn bản. Trong một số trường hợp, có thể không có giải pháp cụ thể cho một vấn đề nhưng vấn đề đó vẫn phải được nêu trong báo cáo.

Việc xác định rõ những vấn đề như vậy là cần thiết và có thể thực hiện điều này một cách tốt nhất bằng cách đối chiếu với lý trình hoặc các cột km trong vùng. Cần minh họa bằng các biểu đồ, phác thảo quy hoạch hay bản sao chú thích của các bản vẽ thiết kế dự án. Đối với những đề xuất về giải pháp khắc phục hoặc phương án xem xét cần trình bày rõ ràng những việc phải làm, nhưng tổ chức thẩm tra an toàn giao thông không có nhiệm vụ phải thiết kế những thay đổi này.

Mỗi vấn đề mất an toàn nên có xếp hạng ưu tiên theo mức độ nghiêm trọng dựa trên khả năng xảy ra tai nạn và mức độ tai nạn (rất quan trọng, quan trọng hoặc ít quan trọng).

Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông là một phần trong dự án và phải tuân theo những quy định lập báo cáo, gồm:

1. Nội dung trang bìa gồm:

- Số hiệu đường, tên đường và vị trí;
- Người quyết định đầu tư;
- Chủ đầu tư;

- Giai đoạn thẩm định an toàn giao thông;
- Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông;
- Ngày nộp báo cáo.

2. Thông tin chung:

- Giới thiệu;
- Tên người đứng đầu và thẩm tra viên an toàn giao thông trong tổ chức thẩm tra an toàn giao thông;
- Tư vấn thiết kế và nhà thầu (tùy theo giai đoạn);
- Chi tiết các cuộc họp và thời gian tiến hành thẩm tra an toàn giao thông;
- Mô tả tóm tắt dự án gồm thông tin về quá trình dự án và các quyết định liên quan;
- Danh mục các tài liệu được chỉnh sửa trong quá trình thẩm tra an toàn giao thông.

3. Phát hiện và khuyến nghị:

Phân báo cáo này nên đưa ra nhận xét về những thay đổi so với lần thẩm định an toàn giao thông trước đây (nếu có).

Các phát hiện và khuyến nghị sau khi nghiên cứu tài liệu và đi khảo sát hiện trường thường được chia làm 2 phần:

- Vấn đề an toàn liên quan tới các khía cạnh chung;
- Vấn đề an toàn liên quan tới các vị trí cụ thể hoặc các vấn đề thiết kế.

Đối với từng vấn đề, cần phải:

- Mô tả sự cố. Ngoài ra, có thể sử dụng ảnh minh họa sự cố;
- Xếp hạng ưu tiên;
- Đề xuất giải pháp hay các phương án để xem xét.

4. Xác nhận của người đứng đầu trong tổ chức thẩm tra an toàn giao thông cho việc công tác thẩm định đã được tiến hành theo tiêu chuẩn kỹ thuật này.

Nộp bản báo cáo thẩm tra an toàn giao thông có chữ ký của chủ nhiệm thẩm tra và tất cả các thẩm tra viên lên chủ đầu tư (cơ quan quản lý đường bộ khi thẩm định an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác) và bản sao gửi cho tư vấn thiết kế (và nhà thầu tùy theo giai đoạn).

Bước 7. Tổ chức thẩm định kết quả báo cáo thẩm tra do tổ chức thẩm tra an toàn giao thông thực hiện

Khi hoàn thành báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, chủ đầu tư tổ chức cuộc họp với tổ chức thẩm tra, tư vấn thiết kế và nhà thầu (tùy theo giai đoạn) (cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ khi thẩm định an toàn giao thông công trình đường bộ hiện có). Mục đích của cuộc họp này là nhằm trình bày những phát hiện từ công tác thẩm định an toàn giao thông. Trong một số trường hợp, vẫn có thể xem xét báo cáo thẩm tra an toàn giao thông mà không cần phải tổ chức cuộc họp này.

Chủ đầu tư (Khu Quản lý đường bộ - Sở Giao thông vận tải đối với công trình đường bộ đang khai thác) lập Tờ trình thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông gửi lên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và Tờ trình thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông tổ chức thẩm định và ra quyết định chấp thuận kết quả báo cáo thẩm tra an toàn giao thông do tổ chức thẩm tra an toàn giao thông lập.

Bước 8. Chỉnh sửa thiết kế hoặc điều chỉnh đặc điểm của đường bộ

Trách nhiệm của tư vấn thiết kế (hoặc nhà thầu tùy theo giai đoạn) là phải nghiên cứu các vấn đề được đưa ra trong quyết định chấp thuận kết quả báo cáo thẩm tra an toàn giao thông do tổ chức thẩm tra an toàn giao thông lập có tham khảo ý kiến của chủ đầu tư. Trong một số trường hợp, tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu cần phải đánh giá các phương án trước khi lựa chọn biện pháp ưu tiên. Trong trường hợp khác, tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu có thể bất đồng quan điểm với tổ chức thẩm tra an toàn giao thông và chỉ đưa ra các giải pháp cục bộ hoặc không chịu thay đổi ý kiến về một vấn đề cụ thể. Tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản cho chủ đầu tư (và gửi một bản cho tổ chức thẩm tra) đưa ra ý kiến phản biện về các giải pháp đề xuất ứng với từng vấn đề do tổ chức thẩm tra an toàn giao thông nêu ra.

Trong trường hợp, tư vấn thiết kế và tổ chức thẩm tra an toàn giao thông không thống nhất được giải pháp, chủ đầu tư có trách nhiệm quyết định trong phạm vi thẩm quyền của mình. Trong các trường hợp khác, phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền để xem xét và quyết định.

Đối với thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước khi bàn giao công trình vào khai thác, nhà thầu phải tiến hành xử lý ngoài hiện trường theo các đề xuất đã được duyệt. Đối với thẩm định an toàn giao thông công trình đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ phải tiến hành xử lý phù hợp.

Trong một số trường hợp, ví dụ tại phần bị thay đổi đáng kể hoặc áp dụng giải pháp thay thế, có thể phải tiến hành lại quy trình thẩm định an toàn giao thông cho phần dự án thay đổi đó.

Bước 9. Xác nhận lần cuối các công việc đã làm

Sau khi hoàn thành các biện pháp khắc phục những vấn đề thẩm định an toàn giao thông đưa ra và giải quyết xong mọi bất đồng, chủ đầu tư (cơ quan quản lý đường bộ khi thẩm định công trình đường bộ đang khai thác) hoàn tất các thủ tục kết thúc thẩm định an toàn giao thông.

Để nắm bắt và tích lũy kinh nghiệm về thẩm định an toàn giao thông, chủ đầu tư cần gửi báo cáo thẩm định an toàn giao thông kèm các quyết định về các vấn đề được xác định là mất an toàn giao thông đường bộ tới các cơ quan liên quan./.

Phụ lục 7**Danh mục các nội dung xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG XEM XÉT TRONG QUÁ TRÌNH THẨM TRA, THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG

Có nhiều vấn đề cần phải xem xét khi tiến hành thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông. Việc sử dụng danh mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông để giúp thẩm tra viên xem xét hết những vấn đề cơ bản về thẩm định an toàn giao thông đường bộ.

Dưới đây là danh mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông cho mỗi một giai đoạn trong số các giai đoạn có thể tiến hành thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông:

- Báo cáo đầu tư xây dựng công trình;
- Dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công;
- Trước khi đưa công trình vào khai thác;
- Trong thời gian khai thác.

Mỗi công trình đều có nét khác biệt và xuất hiện những vấn đề cụ thể có thể chứa đựng những ẩn số về mất an toàn. Khi bắt đầu thẩm tra an toàn giao thông, tổ chức thẩm tra an toàn giao thông cần phải rà soát lại các danh mục thẩm tra này và từ đó lập kế hoạch thẩm tra an toàn giao thông. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông không chỉ rà soát giới hạn trong phạm vi những nội dung được nêu trong danh mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông mà cần chú ý phát hiện ra những thiếu sót khác về an toàn đường bộ, vì trong nhiều trường hợp những thiếu sót này lại nằm ngoài nội dung của danh mục thẩm tra an toàn giao thông.

Khi xem xét rà soát từng mục, thẩm tra viên phải chú ý xem xét việc đối tượng tham gia giao thông sẽ phải đối phó với tình trạng ban đêm và điều kiện thời tiết xấu.

Danh mục các nội dung xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông

1. Giai đoạn báo cáo đầu tư xây dựng công trình	Ý kiến
<p>Tác động mạng lưới đường bộ Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tác động của việc lựa chọn tuyến đối với vấn đề an toàn, ví dụ: nâng cấp đường hiện có hoặc hướng tuyến mới. ◆ Chiến lược quản lý giao thông nói chung ◆ Phân cấp theo chức năng của đường ◆ Sự thống nhất với chiến lược phát triển khu vực, cơ cấu mạng lưới và phân cấp 	

<ul style="list-style-type: none"> ◆ Những cơ sở hạ tầng khác làm phát sinh thêm giao thông ◆ Vị trí và khoảng cách giữa các nút giao cùng mức, khác mức ◆ Điểm đầu điểm cuối tuyến đường và mặt bằng ưu tiên cho xe chạy thẳng ◆ Chiến lược kiểm soát đường ngang ◆ Đường xây dựng mới hoặc nâng cấp cải tạo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng hoặc đoạn kết nối với các công trình khác hiện có. <p>Tiêu chuẩn hình học chính</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tốc độ thiết kế và giới hạn tốc độ ứng với tốc độ khai thác dự kiến ◆ Sự phù hợp với cấp đường và chức năng của đường ◆ Sự phù hợp với địa hình và môi trường ◆ Việc đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng và các đối tượng tham gia giao thông ◆ Sự liên tục và thống nhất trên toàn tuyến ◆ Phân kỳ đầu tư dự án ◆ Những điểm đặc biệt chẳng hạn như đường hầm, cầu dài có thể có tiêu chuẩn thấp hơn <p>Công trình chung phục vụ cho nhu cầu đặc biệt của những người tham gia giao thông</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Công trình dành cho người đi bộ ◆ Công trình dành cho người đi xe đạp ◆ Công trình dành cho người đi xe máy ◆ Công trình dành cho máy kéo nông nghiệp v.v... <p>Thông tin kiểm soát đường ngang</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Số lượng và tính phù hợp của các nút giao với chức năng đường bộ, sự phù hợp của các loại nút giao hoặc nhu cầu về cầu vượt ◆ Sử dụng đường gom một chiều hoặc hai chiều và bố trí mặt bằng nút giao ◆ Nhu cầu của các nhóm đối tượng tham gia giao thông đặc biệt ◆ Mức độ đầy đủ và an toàn của các tuyến đường thay thế tại những chỗ hạn chế đường ngang. ◆ Các công trình phục vụ cho việc phát triển khu vực hai bên đường. ◆ Gia súc đi qua đường mới thi công và nhu cầu về đường hầm cho gia súc. <p>Vấn đề môi trường</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tình trạng thường có gió lớn, sương mù v.v. ◆ Cảnh vật bên ngoài có thể làm lái xe mất tập trung 	
<p>2. Giai đoạn dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật</p>	<p>Ý kiến</p>
<p>Tổng quan</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ◆ Nếu đó là dự án nâng cấp đường hiện có và không được thẩm định an toàn giao thông giai đoạn 1, phải kiểm tra thông tin về tai nạn giao thông 	

Tiêu chí thiết kế

♦ Kiểm tra tốc độ thiết kế và các tiêu chí thiết kế khác phù hợp với phân loại chức năng của đường, bản chất địa hình, lưu lượng và loại xe

Trắc ngang

Kiểm tra:

♦ Sự phù hợp của bề rộng làn, lề đường, khoảng trống ven đường (khu vực giải toả), chiều rộng vạch và dải phân cách, gồm bề rộng phù hợp của lộ giới đối với taluy đắp, lề đường không phủ mặt, lề đường cho người đi bộ v.v.

♦ Sự phù hợp của bề rộng đường nếu cần làn đường đặc biệt hoặc phần đường cho xe máy hoặc xe đạp

♦ Tính thống nhất về trắc ngang dọc trên tuyến

Bình đồ và trắc dọc

Kiểm tra:

♦ Tốc độ thiết kế, tốc độ trên biển báo của các đoạn cong để đảm bảo tính thống nhất

♦ Những đường cong dưới tiêu chuẩn

♦ Sự hài hòa giữa bình đồ với trắc dọc

♦ Cự ly tầm nhìn dừng xe phù hợp, mức độ và cự ly tầm nhìn khi vượt xe

♦ Những nơi chưa có sự kết hợp tốt giữa bình đồ và trắc dọc có thể làm cho lái xe bị nhầm lẫn khi vượt xe hoặc không rõ về hướng tuyến phía trước

Nút giao đồng mức và khác mức

Kiểm tra:

♦ Tính phù hợp của các nút giao đồng mức hoặc khác mức

♦ Sự tương xứng của bố trí mặt bằng xét theo năng lực thông qua

♦ Việc bố trí các làn phụ, việc “cân đối giữa các làn”, tính liên tục của “làn xe chạy thẳng”, tránh những “làn xe dễ làm người ta đi nhầm” và những đoạn mở của dải phân cách có làn rẽ trái

♦ Các tiêu chí về tầm nhìn cần đạt gồm tầm nhìn khi đang chạy trên đường dẫn, tầm nhìn khi vào hoặc khi cất nút giao, tầm nhìn an toàn của nút giao, tầm nhìn đến những xe đang xếp hàng, tầm nhìn cho người đi bộ, tầm nhìn khi vào và ra khỏi nút giao

♦ Bố trí mặt bằng đảm bảo cho xe lớn và giao thông công cộng tại những nơi cho phép

♦ Nhu cầu bố trí các công trình an toàn giao thông, ví dụ: hộ lan mềm trên dải phân cách, chiếu sáng

♦ Xem đã bố trí khoảng mở phù hợp ở dải phân cách giữa để xe có thể quay đầu xe, tránh tình trạng xe chạy ngược chiều trong làn xe.

♦ Xác định nhu cầu lắp đặt các biển báo giao thông đảm bảo an toàn để thực hiện ngay trong thiết kế bản vẽ thi công

♦ Xem xét các nhu cầu cụ thể của các đối tượng tham gia giao thông đặc biệt cho người đi xe máy, người đi xe đạp, người đi bộ, và ghi lại những việc cần thiết để đưa vào thiết kế bản vẽ thi công

Kiểm soát, bố trí đường ngang

Kiểm tra:

♦ Tính phù hợp của việc kiểm soát đường nhánh, đặc biệt là vùng lân cận các nút giao đồng mức và nút giao khác mức

<ul style="list-style-type: none"> ◆ Tại những nơi đường ngang bị hạn chế, kiểm tra tính phù hợp và tương xứng của các đường ngang thay thế, đặc biệt là những đường ngang dẫn đến những cơ sở hạ tầng làm phát sinh lưu lượng giao thông ◆ Tại những nơi hạn chế người đi bộ, kiểm tra việc ghi lại nhu cầu bố trí rào chắn phù hợp để đưa vào thiết kế bản vẽ thi công ◆ Đường xây dựng mới hoặc nâng cấp cải tạo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng hoặc đoạn kết nối với các công trình hiện có. ◆ Gia súc đi ngang qua đường mới thi công và cần bố trí đường hầm cho gia súc. <p>Các hoạt động chính về sử dụng đất gần kề lộ giới</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Những hoạt động sử dụng đất gần đường, xem xét đầy đủ các tác động về an toàn đường bộ ◆ Bố trí phù hợp đường ngang ra vào, ví dụ tránh bố trí các đường ngang quá gần với nút giao đồng mức và khác mức, tránh tình trạng xe phải xếp hàng kéo dài từ đường ngang vào đến đường chính ◆ Bố trí mặt bằng đường ngang và loại điều khiển giao thông phù hợp với chức năng của đường chính, nhu cầu đi lại của người đi bộ và giao thông công cộng tới những điểm sử dụng đất được xác định và bố trí các công trình phù hợp ◆ Mức độ tương xứng của các chỗ đỗ xe “trên phố” và bố trí kiểm soát đỗ xe trên đường chính <p>Đầu tư phân kỳ các dự án lớn</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Chiến lược phát triển phân kỳ có tính đến các yêu cầu về an toàn giao thông ◆ Bố trí vị trí các điểm cuối tuyến tạm thời, tránh những vị trí tầm nhìn không đảm bảo, những vị trí phức tạp do các nút giao đồng mức và tiêu chuẩn hướng tuyến hạn chế ◆ Đối với những thay đổi tiêu chuẩn hình học ngoài dự kiến và khả năng dẫn đến tình trạng tắc đường ngoài dự kiến 	
<p>3. Giai đoạn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công</p>	<p>Ý kiến</p>
<p>Tổng quan</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ◆ Nếu là dự án nâng cấp mặt đường hiện có và chưa được thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước, phải kiểm tra thông tin về tai nạn giao thông <p>Các mục chung cần kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tiêu chí thiết kế ◆ Tính thống nhất giữa các mục liên quan tới an toàn đường bộ ◆ Quy hoạch tuyến và vị trí ◆ Những khía cạnh có tác động xấu về an toàn giao thông hoặc những quyết định trước đây gây ra hạn chế cho thiết kế bản vẽ thi công có thể dẫn đến không đạt yêu cầu về an toàn 	

♦ Mức độ tương xứng của lộ giới để đảm bảo trắc ngang an toàn, có tính đến nhu cầu của tất cả các đối tượng tham gia giao thông

♦ Tính phù hợp của đề xuất kiểm soát đường ngang

Thiết kế quản lý giao thông, cân nhắc các vấn đề sau:

♦ Giới hạn tốc độ được đề xuất

♦ Hạn chế loại phương tiện

♦ Đề xuất phân loại các đối tượng dễ bị tai nạn

♦ Bố trí hoặc hạn chế điểm đỗ xe trên đường

♦ Hạn chế rẽ

♦ Công trình đặc biệt dành cho người đi bộ, người đi xe đạp

♦ Công trình đặc biệt dành cho người đi xe máy

♦ Công trình đặc biệt dành cho xe tải, xe buýt

♦ Bố trí công trình dành cho lái xe chẳng hạn như chỗ nghỉ, dịch vụ, chỗ đỗ xe ven đường...

Kiểm tra những tác động khí hậu thời tiết đã được tính đến ví dụ:

♦ Trời mưa và lũ lụt

♦ Gió lớn

♦ Khu vực có sương mù

Yếu tố hình học

Bình đồ:

♦ Lựa chọn và áp dụng đúng tốc độ thiết kế

♦ Thống nhất bình đồ trên toàn tuyến

♦ Các đường cong dưới tiêu chuẩn

♦ Bố trí đường cong quá độ (xoắn ốc) những chỗ phù hợp

♦ Bình đồ tại “giao diện” giữa công trình đề xuất thi công và mạng lưới đường hiện có

Trắc dọc:

♦ Thống nhất trên toàn tuyến

♦ Tầm nhìn

Sự phối hợp hài hòa giữa bình đồ và trắc dọc về:

♦ Tầm nhìn dừng xe

♦ Tầm nhìn vượt xe

♦ Tầm nhìn trên đường dẫn đến nút giao

♦ Tầm nhìn tại các vị trí mà trắc ngang có sự thay đổi

♦ Phối kết hợp giữa bình đồ và trắc dọc dẫn đến những chỗ mặt đường bị che khuất

Dốc dọc

Kiểm tra:

♦ Những đoạn xuống dốc có độ dốc lớn

♦ Những khúc cong gấp đi xuống có độ dốc lớn, kiểm tra mức độ tương xứng của tỷ lệ siêu cao để đạt được tốc độ thiết kế phù hợp

♦ Những đoạn lên dốc có độ dốc lớn và nhu cầu làn leo dốc cho xe có tải trọng lớn.

Trắc ngang

Kiểm tra:

♦ Số và bề rộng làn xe, bề rộng lề đường hoặc làn dừng xe khẩn cấp

- ◆ Bề rộng vạch phân làn hoặc dải phân cách (những chỗ có thể sử dụng)
 - ◆ Độ cao và độ dốc của taluy đào đắp và yêu cầu rào hộ lan
 - ◆ Sử dụng đúng loại vỉa (tránh dùng vỉa rào chắn)
 - ◆ Làm lề đường cho người đi bộ
 - ◆ Khoảng cách từ làn xe đến rào chắn và loại rào chắn
 - ◆ Chuyển tiếp phù hợp tại các vị trí có sự thay đổi lớn về trục ngang
 - ◆ Những công trình đặc biệt cần thiết cho những người dễ bị tai nạn như người đi bộ, người đi xe đạp, người đi xe máy
 - ◆ Chênh lệch cao độ giữa các lòng đường của đường phân cách tại các nút giao hoặc đường ngang
 - ◆ Cản trở tầm nhìn nơi có taluy đào tại những chỗ cắt trên khúc cong
- Nút giao đồng mức và khác mức**
- Kiểm tra:
- ◆ Logic bố trí mặt bằng chung
- Kiểm tra các tiêu chí tầm nhìn sau có thể áp dụng tại các nút giao
- Tầm nhìn trên đường dẫn
 - Tầm nhìn khi vào hoặc cắt nút giao
 - Tầm nhìn nút giao an toàn
 - Tầm nhìn đến các xe xếp hàng
 - Tầm nhìn và khả năng quan sát tín hiệu và biển báo giao thông
- Tại các nút giao, kiểm tra thêm các tiêu chí tầm nhìn sau
- Tầm nhìn đến mũi rẽ và khu vực vạch sơn
 - Tầm nhìn đến khu vực vào nút giao
- ◆ Làn rẽ và sự liên tục của làn xe
 - Phòng hộ (làn rẽ trái) cho xe rẽ tại các đoạn mở của dải phân cách
 - Tránh bố trí làn xe dễ gây hiểu lầm
- ◆ Kích thước và hình dạng của đảo giao thông
 - Đảo giao thông phải đủ lớn để dễ quan sát; tạo đủ chỗ cho biển báo, tín hiệu giao thông, cột đèn và tạo đủ chỗ tạm dừng chân cho người đi bộ khi đi qua đường
 - Hình dạng của đảo giao thông phải hướng cho xe đi vào đúng vệt xe
 - Hướng rẽ phải cách vừa đủ với mép làn xe trên đường dẫn
 - Tại các vòng xuyên, kiểm tra hình dạng và vị trí đảo phân chia hoặc buộc xe phải lượn vòng để đảm bảo việc kiểm soát tốc độ khi vào nút giao
- ◆ Đất và bề rộng lòng đường rẽ tạo đủ chỗ cho xe lớn, tải trọng nặng có thể rẽ với tốc độ thấp
- ◆ Loại vỉa: Nếu sử dụng sai vỉa có thể dẫn đến nguy hiểm cho những người tham gia giao thông, đặc biệt là xe máy
- ◆ Công trình cho người đi bộ
 - Thiếu lề đường đi bộ và thiếu vỉa tại những điểm sang đường
 - Diện tích, bề rộng tương xứng với vạch phân cách và dải phân cách, bao gồm đảo dành cho người đi bộ
- ◆ Tín hiệu, biển báo, chiếu sáng và các công trình khác trên đường
 - Không đặt tại những nơi dễ tai nạn, ví dụ mũi đảo giao thông
 - Không gây cản trở cho việc đi lại của người đi bộ

♦ **Đỗ xe và bến xe**

- Xác định việc hạn chế điểm đỗ xe và kiểm tra những điểm đề xuất làm bến chờ xe buýt không gây cản trở tầm nhìn
- Những chỗ làm chỗ đỗ xe trên đường, việc đỗ xe không được phép gây ảnh hưởng đến việc chạy xe qua nút giao
- Xác định những vị trí khi dừng đỗ xe buýt không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các xe khác.

♦ Lối vào các công trình làm phát sinh giao thông ví dụ: trung tâm mua sắm hoặc khu công nghiệp và những điểm có lối vào nhà

♦ Kiểm tra các lối rẽ có thể tạo ra những xung đột về giao thông ngoài dự kiến hoặc những xung đột gây nguy hiểm

Nút giao có tín hiệu giao thông (Đèn tín hiệu cho người đi bộ nằm giữa 2 nút giao)

Kiểm tra:

- ♦ Tín hiệu giao thông được lắp đặt tại những nơi đảm bảo
- ♦ Phân bố tín hiệu đèn phù hợp với hoạt động cần thiết của xe và người đi bộ
- ♦ Không phát sinh các tình huống xung đột ngoài dự kiến khi phân bố tín hiệu đèn, và bố trí tín hiệu đèn rẽ phải ở những chỗ cần thiết
- ♦ Đủ thời gian giữa 2 lần đèn xanh để đảm bảo thông xe an toàn
- ♦ Thời gian giữa các pha đèn tín hiệu đủ để xe chạy qua an toàn
- ♦ Số lượng và vị trí đèn tín hiệu và cột đèn tín hiệu đảm bảo mỗi làn xe hoạt động có ít nhất 2 (tốt hơn là 3 hoặc 4) đèn tín hiệu kiểm soát và đáp ứng yêu cầu tầm nhìn tối thiểu
- ♦ Bố trí khoảng cách tương xứng từ mép vỉa hè đến đèn tín hiệu, và không lắp đặt trên đảo giao thông và dải phân cách quá nhỏ hoặc quá hẹp vì không có đủ khoảng cách từ mép vỉa hè tới các thiết bị này
- ♦ Đưa ra đúng kích thước đèn tín hiệu
- ♦ Bố trí hiển thị tín hiệu người đi bộ và nút bấm tín hiệu ưu tiên qua đường của người đi bộ tại những vị trí dự kiến sẽ có người đi bộ cắt ngang đường có tín hiệu điều khiển

Nút giao vòng xuyên

Kiểm tra:

- ♦ Bố trí đơn giản và dễ hiểu
- ♦ Số lượng đường vào phù hợp và được phân chia phù hợp để tránh nhậm lẫn
- ♦ Bề rộng làn nhập vào, làn đi vòng và làn tách phù hợp với hoạt động xe
- ♦ Thiết kế và vị trí đảo phân luồng, đảo trung tâm kiểm soát tốc độ xe chạy thẳng cắt qua nút giao tới mức mong muốn theo môi trường đường bộ và giao thông.
- ♦ Đủ tầm nhìn cho xe đi vào
- ♦ Đủ tầm nhìn cho xe đi vòng qua vòng xuyên
- ♦ Đảo trung tâm được thiết kế an toàn cho cả những xe bị mất lái
- ♦ Có đủ công trình cho người đi bộ sang đường tại các nhánh của nút giao
- ♦ Xem xét nhu cầu của người đi xe đạp và các phương tiện thô sơ khác
- ♦ Các biển hiệu lệnh phù hợp nêu rõ ưu tiên (xe vào vòng xuyên phải nhường đường cho xe đang đi quanh vòng xuyên)
- ♦ Thấy rõ vòng xuyên từ khoảng cách thích hợp theo tốc độ xe trên đường dẫn và xem xét sự cần thiết của biển báo hiệu vòng xuyên

Biển báo giao thông

Kiểm tra:

- ◆ Biển báo hiệu giao thông là biển chỉ dẫn sẽ tốt hơn so với các dạng thông tin khác
- ◆ Lắp đặt biển hiệu lệnh cần thiết và đặt đúng vị trí để kiểm soát hoạt động xe chạy dọc hoặc cắt ngang đường
- ◆ Biển báo phù hợp được thể hiện trên sơ đồ biển báo giao thông và được đặt đúng vị trí (phải xác định những biển báo không cần thiết và loại bỏ)
- ◆ Biển hướng dẫn và chỉ hướng phù hợp và truyền tải thông tin đúng (xem xét trường hợp lái xe lạ đường)
- ◆ Cỡ chữ, chú thích phải hợp lý (rõ ràng, ngắn gọn) để lái xe có thể đọc được thông tin hiển thị trong khoảng thời gian cho phép
- ◆ Vị trí của các biển báo cho phép lái xe có thể thực hiện những hành động cần thiết một cách an toàn
- ◆ Xác định mức độ phản quang phù hợp hoặc cần phải có chiếu sáng bên trong hắt ra hoặc từ ngoài hắt vào
- ◆ Lắp đặt biển báo trên đầu (ví dụ: long môn hoặc biển treo phía trên làn đường xe chạy) tại những chỗ có bố trí phần đường xe chạy nhiều làn yêu cầu từng loại phương tiện phải đi vào đúng làn.
- ◆ Vị trí biển báo không cản trở tầm nhìn tại các nút giao hoặc ở bụng đường cong
- ◆ Vị trí biển báo và lựa chọn cọc tiêu tránh cho công trình trở thành mối nguy hiểm lớn bên đường

Vạch sơn và chỉ dẫn đường bộ

Kiểm tra:

- ◆ Đúng loại vạch sơn dọc tuyến, xét về kiểu vạch và bề rộng, được thể hiện trên bản vẽ mặt bằng liên quan
- ◆ Vạch sơn được đặt đúng vị trí để hướng dẫn cho xe đi đúng làn xe và xác định một cách hiệu quả những tình huống nhập, tách, lề đường và làn dừng xe khẩn cấp
- ◆ Đường cong đứng hoặc đường cong nằm trên lòng đường 2 làn xe 2 chiều, mà tại đó không đảm bảo tầm nhìn vượt xe, được thể hiện để làm vạch sơn kép, rào chắn và xác định bố trí vạch sơn làn có thể gây nhầm lẫn hoặc nằm ngoài phán đoán của lái xe
- ◆ Vạch sơn kép (rào chắn) được thể hiện để làm tại các đường cong đứng và/hoặc nằm trên lòng đường hai làn xe hai chiều mà tại đó tầm nhìn vượt xe bị hạn chế, theo đúng với tiêu chuẩn
- ◆ Xác định những đoạn rào chắn bố trí gần sát nhau, có thể dẫn lái xe cho xe vượt mất an toàn
- ◆ Vạch sơn báo nguy hiểm trên đường dẫn được thể hiện trên bản vẽ tại đuôi đường dẫn của đảo giao thông, vạch phân cách, đảo phân cách và tạo khu vực mũi hướng rẽ tại đường cao tốc hoặc các nút giao khác mức khác
- ◆ Vị trí chính xác của tất cả các vạch sơn ngang như vạch dừng xe, vạch nhường đường và vạch qua đường của người đi bộ

- ◆ Vạch sơn phản quang cần thiết để nâng cao khả năng quan sát vào ban đêm
- ◆ Đinh phản quang cần thiết bổ sung cho vạch sơn phục vụ quan sát vào ban đêm, hướng dẫn và chỉ hướng một cách hiệu quả hơn.

Đèn chiếu sáng

Kiểm tra:

- ◆ Mức độ chiếu sáng phù hợp với nhu cầu an toàn của các đối tượng tham gia giao thông và xác định các trường hợp có những đoạn không được chiếu sáng lẫn với những đoạn được chiếu sáng
- ◆ Tiêu chuẩn chiếu sáng bao gồm tính thống nhất và hiệu quả chiếu sáng phù hợp với nhu cầu giao thông
- ◆ Bố trí thiết bị chuyển tiếp ánh sáng ở những chỗ kết thúc chiếu sáng
- ◆ Cột đèn không gây ra nguy hiểm bên đường
- ◆ Cột đèn không gây cản trở tầm nhìn lái xe

Công trình an toàn ven đường

Kiểm tra:

- ◆ Thiết lập khu vực giải tỏa có bề rộng phù hợp với tốc độ và bán kính đường cong theo thiết kế
- ◆ Sử dụng những loại công trình mềm ven đường
- ◆ Công trình rào hộ lan và thiết kế bản vẽ thi công, bao gồm khâu xử lý ở đầu rào hộ lan
- ◆ Làm những đoạn rào hộ lan có chiều dài tối thiểu để đảm bảo hoạt động đúng chức năng
- ◆ Vị trí rào chắn ứng với vỉa và những chướng ngại vật được phòng hộ
- ◆ Rào chắn và tay vịn trên cầu và lòng đường nhô cao
- ◆ Đầu cầu và những đoạn chuyển tiếp từ rào hộ lan đến tay vịn cầu, gồm có phần gắn rào hộ lan với tay vịn cầu để tạo thành rào chắn liên tục
- ◆ Cảnh quan và làm đẹp
- ◆ Các mối nguy hiểm khác ven đường
- ◆ Xử lý an toàn những chỗ nền đường đào đá có bề mặt kém bằng phẳng
- ◆ Những công trình đường bộ đi qua hoặc gần với những chỗ nước sâu, sông, hồ cần gia cố taluy nền đường và bố trí rào chắn
- ◆ Thiết kế rào chắn người đi bộ để tránh dùng rào chắn bằng các thanh ngang gần kề với lòng đường

Công trình dành cho người đi bộ

Kiểm tra:

- ◆ Thiếu lề đường đi bộ hoặc những vị trí lề đường đi bộ bị cản trở bởi các cọc và các công trình khác của đường
- ◆ Thiếu vỉa trượt hoặc vỉa vuốt xuống tại các điểm cắt qua đảo giao thông, đặc biệt là tại các nút giao có tín hiệu
- ◆ Thiếu các công trình sang đường như điểm sang đường có tín hiệu, đảo trung tâm, vạch sơn qua đường cho người đi bộ, hoặc nút giao khác mức ở những chỗ cho phép
- ◆ Thiếu đèn tín hiệu cho người đi bộ và pha đèn tại những vị trí có người đi bộ

<ul style="list-style-type: none"> ◆ Không đủ diện tích cho chỗ đứng chờ của người đi bộ trên đảo giao thông, dải phân cách, v.v. ◆ Quản lý giao thông và các công trình cho phép người đi bộ qua chỗ đường rộng có dòng xe chạy liên tục không gián đoạn ◆ Tiêu chuẩn trắc ngang, có đủ bề rộng cho phần lề đường và lề đi bộ. <p>Công trình dành cho xe máy</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Bình đồ, trắc ngang và tầm nhìn phù hợp với tốc độ khai thác dự kiến ◆ Tiêu chuẩn trắc ngang, có đủ bề rộng cho các làn xe hoặc lòng đường cho xe máy ◆ Khoảng trống đến chướng ngại vật, chỗ nhập và tách làn ◆ Xác định rõ ưu tiên giữa các dòng xe xung đột tại nút giao ◆ Đầy đủ vạch sơn để đảm bảo trật tự các dòng xe và chỉ dẫn chính xác về đoạn tuyến phía trước ◆ Biển hiệu lệnh, biển báo và biển chỉ hướng phù hợp rõ ràng và vị trí các biển ◆ Loại rào chắn và rào hộ lan phù hợp ◆ Các công trình như lề đường được rải mặt hoàn toàn hoặc các xử lý đặc biệt tại những nút giao có tín hiệu 	
<p>4. Giai đoạn trước khi đưa công trình vào khai thác</p>	Ý kiến
<p>Tổng quan</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước đây (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ◆ Tình trạng nguy hiểm chưa thấy rõ ở những giai đoạn trước <p>Độ dốc, hướng tuyến và trắc ngang chung</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tầm nhìn (ví dụ: tầm nhìn dừng xe) trên đỉnh dốc, cắt ngang bụng đường cong nằm, trên đường dẫn đến nút giao và tại chỗ lên và xuống nút giao giao khác mức ◆ Phối kết hợp bình đồ và nút giao dẫn đến những chỗ mặt đường bị che khuất có thể gây nhầm lẫn cho lái xe về hướng đi của tuyến đường phía trước hoặc những chỗ trùng nhỏ có thể phớt lờ che khuất mắt một xe đang chạy tại một vị trí tiềm ẩn vượt xe gây nguy hiểm ◆ Nhu cầu chung cần phải bố trí rào hộ lan hoặc các rào chắn an toàn khác ở những nền đất đắp và các taluy có sườn dốc <p>Đặc điểm bố trí lòng đường</p> <p>Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Hình học hướng tuyến chung, đặc biệt là về tầm nhìn ◆ Bề rộng lòng đường (số lượng và chiều rộng làn), bề rộng lề đường hoặc bề rộng làn đỗ xe, bề rộng vạch phân cách hoặc dải phân cách và kích thước đảo giao thông ◆ Logic và “mức độ rõ ràng” của các đảo giao thông và vạch phân cách tại các nút giao, theo như góc nhìn của lái xe 	

- ◆ Bố trí khoảng trống phù hợp và khoảng cách tại các mũi đường dẫn của đảo giao thông, vạch phân cách và các dải phân cách khác
- ◆ Loại vỉa được xây dựng (ví dụ: sử dụng vỉa rào chắn)
- ◆ Vuốt thu nhỏ hoặc loe ra đối với các làn phụ và tránh trường hợp tạo ra làn dễ gây nhầm lẫn dẫn tới tắc nghẽn
- ◆ Vị trí và xử lý lối đi cho người đi bộ và chỗ đứng

Biển báo giao thông

Kiểm tra:

- ◆ Chiến lược tổng thể về biển báo giao thông trên bản vẽ và ngoài hiện trường
- ◆ Cung cấp và lắp đặt biển báo và biển hiệu lệnh
- ◆ Loại, kích thước (chiều cao chữ), số lượng chữ và giải thích trên biển giao thông và khoảng cách đủ để nắm bắt được thông tin
- ◆ Loại biển phản quang, màu, chất lượng v.v... trên biển giao thông
- ◆ Vị trí chính xác của biển chỉ hướng và các biển hướng dẫn khác
- ◆ Các công trình khác của đường bộ làm che khuất biển giao thông
- ◆ Biển báo giao thông đặt tại vị trí không tốt làm cản trở tầm nhìn cần thiết
- ◆ Những công trình để treo biển giao thông, đặc biệt là giá long môn và cọc biển báo để đảm bảo không gây ra nguy hiểm ở ven đường. Ngoài ra, còn phải xem xét nhu cầu phòng hộ những cọc biển báo này bằng rào hộ lan
- ◆ Độ cao lắp biển
- ◆ Lưu không dưới biển giao thông, đặc biệt là những nơi lắp biển treo trên đầu phần lề đi bộ và tránh góc hoặc cạnh sắc nhọn có thể gây nguy hiểm cho người đi bộ, người đi xe đạp hoặc xe máy
- ◆ Nhu cầu chiếu sáng cho biển treo trên cao

Vạch sơn đường

Rà soát lại loại, vị trí và bố trí vạch sơn đường trên bản vẽ thi công và trong khi kiểm tra hiện trường.

Kiểm tra:

- ◆ Sử dụng chính xác các loại vạch sơn khác nhau để quy định cho các đối tượng tham gia giao thông, các yêu cầu cần thiết về quản lý giao thông tại các vị trí cụ thể
- ◆ Vị trí hợp lý của các vạch dừng xe hoặc nhường đường tại các nút giao
- ◆ Sự tồn tại của các làn xe để gây nhầm lẫn dẫn đến tắc đường và sự đứt quãng của làn xe chạy thẳng, còn ở những nơi không tránh được, bố trí vạch mũi tên trên đường hoặc biển báo phù hợp
- ◆ Bố trí đỉnh phản quang tại những chỗ được xem là cần thiết để dẫn đường và đảm bảo giao thông an toàn vào ban đêm
- ◆ Bố trí chính xác vạch sơn mũi tên cần thiết để quy định các làn xe chỉ giới hạn cho từng hoạt động giao thông cụ thể

Các điểm an toàn bên đường

Kiểm tra:

- ◆ Bố trí rào hộ lan hoặc rào chắn tại các vị trí nguy hiểm cố định bên đường
- ◆ Loại rào hộ lan hoặc rào chắn và độ dài phù hợp với chiều dài đoạn nguy hiểm

- ◆ Kết cấu phù hợp của rào hộ lan ví dụ: chiều thanh ngang, khoảng cách giữa các cọc, đoạn chông khít v.v...
- ◆ Vị trí của rào hộ lan hoặc rào chắn tương ứng với đoạn nguy hiểm ví dụ: khoảng cách cho phép rào hộ lan bị biến dạng dưới tác động của xe khi húc vào rào hộ lan
- ◆ Xử lý rào hộ lan hoặc rào chắn để có phần đầu cắm xuống đất v.v...
- ◆ Chọn loại rào chắn trên cầu hoặc hệ thống tay vịn phù hợp, không để các thanh ngang của rào chắn nhô ra ở phần cọc cuối
- ◆ Cần có rào với chiều cao cao hơn bình thường ở trên cầu vượt hoặc gần với một đường đông xe hoặc đường sắt bên dưới, loại rào và chiều cao rào chắn phải phù hợp để xe không lao qua được
- ◆ Xử lý đường dẫn lên cầu đảm bảo xử lý được những mối nguy tại đầu cầu bằng cách sử dụng rào hộ lan trên đường dẫn chuyển tiếp nối với lan can cầu
- ◆ Tránh dùng vỉa rộng ra ngoài phạm vi rào chắn hoặc rào hộ lan, ở những nơi không thể tránh được, mặt bên của vỉa phải bằng với mặt bên của rào chắn hoặc rào hộ lan
- ◆ Loại rào phân cách và biện pháp xử lý ở đầu rào
- ◆ Bố trí và xử lý rào hộ lan hoặc rào chắn tại những vị trí nguy hiểm cố định chẳng hạn như cọc cứng, cột hoặc trụ cầu tại dải phân cách giữa hoặc phân cách đường
- ◆ Xử lý cột đèn để được đặt trong phạm vi rào chắn của dải phân cách giữa
- ◆ Xử lý các vị trí nguy hiểm đơn lẻ chẳng hạn như trụ cầu và các giá long môn trong phạm vi khu vực giải tỏa
- ◆ Xem xét có thể bố trí lại các hạng mục nguy hiểm ra khỏi khu vực giải tỏa
- ◆ Phòng hộ bằng rào hộ lan cho các vị trí nguy hiểm
- ◆ Bố trí thiết bị làm giảm tác động hoặc đệm chống va chạm nhằm giảm bớt mức độ nghiêm trọng của các tác động tại trụ cầu, đầu rào chắn, công trình tại khu vực mũi rẽ hoặc các vị trí nguy hiểm khác
- ◆ Xử lý đầu cống, tường cuối, các công trình thoát nước khác, để đảm bảo không gây nguy hiểm trong phạm vi khu vực giải tỏa

Cảnh quan

Kiểm tra:

- ◆ Cây và thực vật khác hoặc các điểm gây cản trở tầm nhìn
 - Tầm nhìn dừng xe hoặc tầm nhìn vượt xe (tại những nơi được áp dụng), đặc biệt là chỗ cắt ngang bụng đường cong
 - Tầm nhìn tại mũi rẽ hoặc tại điểm vào đường cao tốc và các nút giao khác mức khác, đặc biệt là tại những nơi đường dẫn đến các công trình nằm ở vị trí bụng của đường cong
 - Các tiêu chí tầm nhìn tại các nút giao, gồm nút giao có tín hiệu và các vòng xuyên
- ◆ Tầm nhìn cắt qua một dải phân cách giữa, lái xe buộc phải rẽ tại một nút giao, gồm có rẽ vòng hình chữ U tại chỗ mở của dải phân cách giữa
- ◆ Tầm nhìn giữa người đi bộ và xe; tại những nơi người đi bộ dự kiến đi cắt ngang qua lòng đường, có hoặc không có tín hiệu
- ◆ Tầm nhìn của người điều khiển phương tiện (gồm người đi xe đạp và người đi xe máy) đến đèn tín hiệu giao thông và biển báo giao thông
- ◆ Cây và quang cảnh là những mối nguy hiểm tiềm ẩn bên đường
- ◆ Các loài cây và kích thước (độ lớn) dự kiến khi lớn của những cây trồng trong phạm vi khu vực giải tỏa
- ◆ Ảnh hưởng của cây đèn đèn chiếu sáng

<ul style="list-style-type: none"> ◆ Vị trí của cây so với cột đèn chiếu sáng, chiều cao của vòm cây và độ tỏa của tán cây so với chiều cao lắp đèn và độ vươn của đèn ◆ Tán cây có thể trùm lên làn xe và ảnh hưởng tới tính không dành cho xe lớn ◆ Trồng cây lớn quá gần với rào bán kiên cố như rào hộ lan tôn lượn sóng, rào bằng dây cáp (do không có đủ khoảng cách cho sự biến dạng của rào chắn khi có xe húc vào) 	
<p>5. Giai đoạn trong quá trình khai thác</p>	Ý kiến
<p>Tổng quan Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ◆ Việc khai thác đường trên thực tế của các đối tượng tham gia giao thông cũng đúng với hoạt động dự kiến ban đầu của dự án. <p>Bình đồ và trắc dọc</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tiêu chuẩn hướng tuyến chung <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra sự thống nhất trên toàn tuyến và ghi lại vị trí có sự thay đổi đột ngột về tiêu chuẩn hướng tuyến và có thể nằm ngoài phán đoán của lái xe ◆ Các đường cong dưới tiêu chuẩn <ul style="list-style-type: none"> - Xác định những đường cong có tốc độ thấp hơn 10 km/h so với tốc độ thiết kế hoặc tốc độ khai thác nói chung. Kiểm tra việc bố trí biển báo hoặc chỉ dẫn có đầy đủ không. Dấu hiệu các phương tiện chạy chệch khỏi đường tại bất kỳ điểm nào có thể giúp xác định các vấn đề gây tai nạn ◆ Không đủ tầm nhìn <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các vị trí không đủ tầm nhìn dừng xe - Kiểm tra các vị trí không đủ tầm nhìn vượt xe, tại đó vạch sơn kép mới được kẻ hoặc cần phải được kẻ <p>Trắc ngang</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Kiểm tra các vị trí dọc trên tuyến có sự thay đổi đột ngột về tiêu chuẩn trắc ngang. Kiểm tra điều này có gây ra bất ổn trong khai thác không ◆ Xác định bất kỳ vị trí nào xảy ra tắc nghẽn giao thông hoặc những nơi năng lực thông xe của đường bị hạn chế, các nguyên nhân dẫn tới hành vi lái xe mất an toàn ◆ Xác định các vị trí mà tình trạng không có làn rẽ bảo vệ cho xe rẽ tại nút giao đang gây mất an toàn ◆ Ghi lại bất kỳ vị trí nào không đủ bề rộng lề đường ◆ Kiểm tra trắc ngang có được phân chia hợp lý để tạo điều kiện đi lại cho những đối tượng dễ bị tai nạn, ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> - Người đi bộ - bề rộng lề đường, lề đi bộ, bề rộng chỗ đứng chờ trên rải phân cách giữa, đảo giao thông và bó vỉa - Người đi xe đạp - khu vực riêng (ví dụ: lề đường có phủ mặt) - Người đi xe máy - làn đường riêng (lề đường có phủ mặt) hoặc lòng đường riêng, những nơi cho phép <p>Nút giao Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Tầm nhìn phù hợp với tốc độ khai thác <ul style="list-style-type: none"> - Tầm nhìn đi đến nút giao (dừng xe) - Tầm nhìn vào nút giao - Tầm nhìn nút giao an toàn ◆ Bố trí mặt bằng tổng thể của nút giao phục vụ an toàn cho tất cả các đối tượng tham gia giao thông (người đi bộ, người đi xe đạp, người đi xe máy) 	

- ◆ Các đối tượng tham gia giao thông hiểu được bố trí mặt bằng để cho các hoạt động giao thông khác nhau hoạt động
- ◆ Thiều làn rẽ và có tồn tại sự cố khi khai thác hay không
- ◆ Xảy ra trường hợp làn để gây hiểu nhầm dẫn đến tắc nghẽn, như một làn đi thẳng đột nhiên bị kẻ sơn hoặc báo hiệu như là làn cho xe rẽ tại một nút giao hoặc rẽ vào một đường khác
- ◆ Vị trí mà chiều dài và bề rộng của đường nhập không đạt tiêu chuẩn và gây mất an toàn
- ◆ Những sự cố trong khai thác vòng xuyên ví dụ: giảm tốc độ không đủ tại điểm vào nút giao, tốc độ xe cao trong phạm vi khu vực vòng xuyên hoặc bề rộng không đủ của đường vào vòng xuyên hoặc đường xoay quanh vòng xuyên
- ◆ Những trường hợp lái xe không thấy rõ đảo giao thông hoặc đảo quá nhỏ không cho phép người đi bộ đứng chờ hoặc không cho phép lắp biển báo giao thông, đèn tín hiệu và các công trình khác của đường bộ

Đường cao tốc và các nút giao khác mức khác

Kiểm tra

- ◆ Đạt tiêu chuẩn phù hợp và thống nhất về bố trí hình học và vạch sơn tại những điểm ra vào nút giao
- ◆ Vị trí bố trí làn rẽ hoặc làn nhập không đủ hoặc không phù hợp ví dụ: những vị trí đầu vào hoặc đầu ra hai làn không phù hợp
- ◆ Xe chạy thẳng có thể vô tình chạy vào làn rẽ
- ◆ Vị trí những chỗ bó vỉa và chiều dài bó vỉa không thống nhất với tốc độ xe chạy
- ◆ Không đáp ứng đủ yêu cầu về tầm nhìn tại các điểm vào ra

Lắp đèn tín hiệu giao thông

Kiểm tra

- ◆ Đèn tín hiệu giao thông hoạt động an toàn và hiệu quả phục vụ quản lý giao thông dọc và ngang tuyến đường chính và phục vụ đảm bảo an toàn cho người đi bộ sang đường
- ◆ Thiết bị đèn tín hiệu và số lượng đèn tín hiệu đáp ứng yêu cầu, bao gồm đèn tín hiệu treo trên cao
- ◆ Vị trí và tầm nhìn đèn tín hiệu không bị che khuất bởi tán cây, biển báo giao thông...

Chiếu sáng

Kiểm tra:

- ◆ Chiếu sáng khi hoạt động và cung cấp đủ ánh sáng dọc tuyến. Xem xét mức độ chiếu sáng cao hơn tại các nút giao
- ◆ Chiếu sáng đảm bảo đúng tiêu chuẩn phục vụ cho các nhu cầu tại vị trí này, ví dụ: khách bộ hành
- ◆ Cung cấp các cột đèn bằng vật liệu mềm tại những vị trí cấu thành nguy hiểm cho xe ví dụ trên các đảo giao thông nhỏ, mũi dải phân cách giữa, ở lưng đường cong gấp, trong phạm vi khu vực giải tỏa
- ◆ Bố trí đèn chiếu sáng nâng cao khả năng chỉ đường tránh gây nhầm lẫn cho lái xe khi quan sát tuyến đường phía trước.

Biển báo giao thông - Các khía cạnh chung

Kiểm tra:

- ◆ Các trường hợp biển báo giao thông không được phép và sử dụng biển báo không đúng tiêu chuẩn (màu sắc và hình dạng)
- ◆ Vị trí, khoảng cách giữa các biển báo và ghi lại những vị trí có quá nhiều biển báo hoặc biển quá sát nhau
- ◆ Biển báo giao thông quan sát thấy rõ và được hiển thị nổi bật cho các đối tượng giao thông dự kiến
- ◆ Các trường hợp không nắm bắt được đủ các thông tin trên biển báo giao thông hoặc có quá nhiều thông tin, ghi nhớ tốc độ xe và lượng thông tin hiển thị
- ◆ Hiệu quả của biển báo giao thông bằng cách quan sát chúng vào ban đêm và xác định việc thiếu phản quang
- ◆ Loại cột biển báo được sử dụng và trường hợp cột biển báo cấu thành mối nguy hiểm cố định bên đường hoặc những chỗ cần xem xét sử dụng lại cột biển báo làm bằng vật liệu mềm
- ◆ Những trường hợp có tình trạng che khuất biển báo
- ◆ Những trường hợp biển báo giao thông che khuất tầm nhìn cần thiết cho người điều khiển phương tiện và người đi bộ

Biển hiệu lệnh và biển báo

Kiểm tra:

- ◆ Biển hiệu lệnh phù hợp được cấm tại những nơi cần thiết
- ◆ Biển báo phù hợp và chỉ được dùng tại những nơi cho phép

Biển hướng dẫn và chỉ hướng

Kiểm tra:

- ◆ Biển chỉ dẫn, chỉ hướng: phải mang tính hệ thống, lôgic và thống nhất trên toàn tuyến và đáp ứng các yêu cầu của các lái xe lạ đường
- ◆ Các nút giao quan trọng được lắp biển phù hợp
- ◆ Biển được đặt đúng chỗ cho phép lái xe thực hiện thao tác cần thiết

Vạch sơn

Kiểm tra

- ◆ Sự đầy đủ và khả năng quan sát thấy vạch sơn, đặc biệt là vào ban đêm
- ◆ Sử dụng đúng vạch sơn đúng trong các trường hợp
- ◆ Những chỗ gián đoạn về vạch sơn nơi xe chạy thẳng và sự tồn tại những làn xe dễ gây nhầm lẫn dẫn đến tắc đường
- ◆ Thiếu hướng dẫn về chỗ nhập và tách, gồm các trường hợp xe chạy thẳng có thể chạy vào làn rẽ
- ◆ Đối với những vị trí thiếu vạch sơn báo nguy hiểm ở cuối đường dẫn của đảo giao thông và rải phân cách giữa...
- ◆ Những vị trí làn xe bố trí sai vạch sơn mũi tên
- ◆ Những vị trí vạch sơn cũ được thay song vẫn chưa xóa bỏ và có thể gây nhầm lẫn cho người điều khiển phương tiện
- ◆ Loại và vị trí vạch dừng xe và nhường đường phù hợp
- ◆ Bố trí đỉnh phản quang để dẫn đường ban đêm

An toàn ven đường và quang cảnh

Kiểm tra:

- ◆ Bề rộng khu vực giải tỏa có sẵn dọc theo mỗi bên đường
- ◆ Các chướng ngại vật cố định bên đường, gồm cột xuất hiện trong phạm vi bề rộng giải tỏa. Ý kiến xem có thể loại bỏ, dời đến vị trí ít nguy hiểm hơn hoặc trong trường hợp là cột đèn chiếu sáng thì làm bằng vật liệu mềm

- ◆ Bố trí rào hộ lan dọc theo tuyến đường. Xem xét những chỗ hợp lý nhưng chưa được lắp rào cũng như những chỗ không hợp lý nhưng lại được lắp rào và có thể trở thành một mối nguy hiểm không cần thiết
- ◆ Các biện pháp xử lý an toàn đã được áp dụng cho các đầu của đoạn rào hộ lan
- ◆ Đầy đủ hệ thống lan can cầu trên tất cả các cầu
- ◆ Xử lý rào hộ lan trên đường đầu cầu để đảm bảo rào hộ lan được bắt chặt vào lan can cầu, gồm có đoạn chuyển tiếp phù hợp của rào hộ lan bán kiên cố trên đường đầu cầu với lan can cầu kiên cố
- ◆ Đầu rào chắn trên rải phân cách giữa được xử lý phù hợp để làm giảm mức độ nghiêm trọng khi va chạm vào đầu rào; cần phải làm các đệm phòng va chạm hoặc các thiết bị làm giảm tác động khác
- ◆ Mức độ cây và thực vật gây ảnh hưởng tới tầm nhìn của người điều khiển phương tiện và người đi bộ
- ◆ Mức độ nguy hiểm liên quan đến cây lớn, đá tảng v.v... và việc tiến hành xử lý để nâng cao an toàn khu vực ven đường

Các mục quản lý giao thông nói chung

Kiểm tra:

- ◆ Các công trình dành cho người đi bộ được sử dụng đúng mục đích ban đầu
- ◆ Những hoạt động giao thông nguy hiểm có thể diễn ra
- ◆ Sự tương xứng và đáng tin cậy của các mức giới hạn tốc độ
- ◆ Mức độ an toàn cho phép đối với tất cả các đối tượng tham gia giao thông tại khu vực đô thị hoặc tại những nơi thường xuyên có hoạt động của người đi bộ hoặc hoạt động xe, đặc biệt là những nơi đường chạy qua các trung tâm thương mại hoặc gần trường học. Xem xét nhu cầu về kỹ thuật điều hòa giao thông nhằm nâng cao an toàn tại những vị trí nhạy cảm
- ◆ Các cơ hội vượt xe trên toàn tuyến nói chung và ý kiến về nhu cầu có làn vượt xe cụ thể cách đều nhau dọc theo đường 2 làn không dải phân cách, đặc biệt là vùng địa hình đồi núi có lưu lượng giao thông cao
- ◆ Xem xét nhu cầu đối với những khu vực còn lại và các chỗ dừng xe bên đường khác, ví dụ: chỗ dừng xe tải, quan điểm về cảnh quan, khu vực nghỉ ven đường v.v... Ghi lại những vị trí 'không chính thức' mà xe có thể dừng và mức độ nguy hiểm liên quan
- ◆ Sự tồn tại các quầy hàng ven đường và các hoạt động kinh doanh ven đường khác trong phạm vi lộ giới đường bộ. Ý kiến về mức độ an toàn tương đối của các khu vực này và nhu cầu có thể thay đổi bố trí chỗ đỗ hoặc các biện pháp kiểm soát khác
- ◆ Mức độ an toàn của các vị trí bến xe buýt và các bến xe buýt có được dùng đúng mục đích ban đầu không. Xem xét việc bố trí cho xe buýt dừng ngoài lòng đường không gây ảnh hưởng tới làn xe và nhu cầu chiếu sáng tại các vị trí này để đảm bảo an ninh và an toàn cho hành khách đi xe
- ◆ Các vấn đề và yêu cầu đặc biệt có thể cần thiết để nâng cao an toàn trong thời gian lễ hội và ngày nghỉ khi nhu cầu giao thông tăng cao và có nhiều lái xe không quen đường

Phụ lục 8**Mã số quy định đặt số hiệu cho các hệ thống đường địa phương***(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT**ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***MÃ SỐ QUY ĐỊNH ĐẶT SỐ HIỆU ĐƯỜNG TỈNH THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ ĐẶT SỐ HIỆU CHO CÁC HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG****1. Mã số quy định đặt số hiệu đường tỉnh theo đơn vị hành chính**

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Tỉnh Sơn La	101-125	33	Tỉnh Quảng Nam	606-620
2	Tỉnh Lai Châu	126-138	34	Tỉnh Quảng Ngãi	621-628
3	Tỉnh Điện Biên	139-150	35	Tỉnh Bình Định	629-640
4	Tỉnh Lào Cai	151-162	36	Tỉnh Phú Yên	641-650
5	Tỉnh Yên Bái	163-175	37	Tỉnh Khánh Hòa	651-660
6	Tỉnh Hà Giang	176-184	38	Tỉnh Gia Lai	661-670
7	Tỉnh Tuyên Quang	185-199	39	Tỉnh Kon Tum	671-680
8	Tỉnh Cao Bằng	201-225	40	Tỉnh Đắk Nông	681-686
9	Tỉnh Lạng Sơn	226-250	41	Tỉnh Đắk Lắk	687-699
10	Tỉnh Bắc Kạn	251-260	42	Tỉnh Ninh Thuận	701-710
11	Tỉnh Thái Nguyên	261-275	43	Tỉnh Bình Thuận	711-720
12	Tỉnh Bắc Ninh	276-287	44	Tỉnh Lâm Đồng	721-740
13	Tỉnh Bắc Giang	288-299	45	Tỉnh Bình Dương	741-750
14	Tỉnh Vĩnh Phúc	301-312	46	Tỉnh Bình Phước	751-760
15	Tỉnh Phú Thọ	313-325	47	Tỉnh Đồng Nai	761-780
16	Tỉnh Quảng Ninh	326-350	48	Tỉnh Tây Ninh	781-799
17	Thành phố Hải Phòng	351-375	49	TP. Hồ Chí Minh	801-815
18	Tỉnh Hưng Yên	376-387	50	Tỉnh Long An	816-840
19	Tỉnh Hải Dương	388-399	51	Tỉnh Đồng Tháp	841-860
20	Thành phố Hà Nội	401-430	52	Tỉnh Tiền Giang	861-880
21	Tỉnh Hòa Bình	431-450	53	Tỉnh Bến Tre	881-899
22	Tỉnh Thái Bình	451-475	54	Tỉnh Vĩnh Long	901-910
23	Tỉnh Ninh Bình	476-483	55	Tỉnh Trà Vinh	911-915
24	Tỉnh Nam Định	484-490	56	Thành phố Cần Thơ	916-924
25	Tỉnh Hà Nam	491-499	57	Tỉnh Hậu Giang	925-931
26	Tỉnh Thanh Hóa	501-530	58	Tỉnh Sóc Trăng	932-940
27	Tỉnh Nghệ An	531-545	59	Tỉnh An Giang	941-960
28	Tỉnh Hà Tĩnh	546-557	60	Tỉnh Kiên Giang	961-975
29	Tỉnh Quảng Bình	558-570	61	Tỉnh Bạc Liêu	976-982
30	Tỉnh Quảng Trị	571-588	62	Tỉnh Cà Mau	983-990
31	Tỉnh Thừa Thiên Huế	589-599	63	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	991-999
32	Thành phố Đà Nẵng	601-605			

2. Đặt số hiệu cho hệ thống đường địa phương

a) Đối với hệ thống đường tỉnh (ĐT):

- Tên đường tỉnh đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐT.x;

Trong đó:

+ ĐT là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường tỉnh;

+ x là số hiệu đường tỉnh theo quy định tại Quyết định này;

- Ví dụ: Đường thuộc hệ thống đường tỉnh Sơn La được đặt theo số hiệu theo quy định tại Phụ lục này từ 101 đến 125, nhưng tỉnh Sơn La có 26 tuyến đường tỉnh, đặt lần lượt từ 101 đến 125, hết số hiệu mà vẫn còn tuyến đường tỉnh thứ 26 chưa có số hiệu. Sau khi nghiên cứu, tuyến đường số 26 có nhiều yếu tố gần với tuyến đường tỉnh thứ 20 (ĐT.120) như liên kết giữa hai tuyến, hướng tuyến, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặt số hiệu của đường tỉnh thứ 26 là ĐT.120B; được viết trên cột kilômét là ĐT.120B.

b) Đối với hệ thống đường huyện (ĐH):

- Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: DH.x;

Trong đó:

+ DH là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện;

+ x là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99);

- Ví dụ: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đặt đường nối từ ngã ba Bản Cầm QL70 đi Lũng Khẩu Nhìn là đường huyện có số hiệu 11 nằm trên địa bàn huyện Mường Khương, được viết trên cột kilômét là DH.11.

c) Đối với hệ thống đường xã:

- Tên đường xã đặt theo quy định chung như sau: Đường A;

Trong đó:

+ A là tên đường được đặt theo địa danh hoặc theo tập quán;

- Ví dụ: Đường Mỏ Đồng Bền thuộc xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình; Đường Bãi Bệ - Nam Hồng thuộc xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

d) Đối với hệ thống đường đô thị (ĐĐT):

- Tên hoặc số hiệu đường đô thị theo Điều 4 Nghị định 11/2010/NĐ-CP; số hiệu quy định chung như sau: ĐĐT.x;

Trong đó:

+ ĐĐT là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường đô thị;

+ x là số thứ tự của các tuyến đường đô thị thuộc thị xã, thị trấn đó (gồm 2 chữ số từ nhiên từ 01 đến 99);

- Ví dụ: Thị xã Ninh Bình của tỉnh Ninh Bình: theo quy hoạch có 15 tuyến đường đô thị. Tên đường đô thị đặt theo số hiệu của thị xã Ninh Bình như sau: ĐĐT.01; ĐĐT.02;...; ĐĐT.15.

đ) Đối với hệ thống đường chuyên dùng (ĐCD):

- Tên đường chuyên dùng đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐCD.x;

Trong đó:

+ ĐCD là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường chuyên dùng;

+ x là số thứ tự của các tuyến đường chuyên dùng thuộc tỉnh đó (gồm 2 chữ số từ nhiên từ 01 đến 99);

- Ví dụ: Tỉnh Bình Dương, theo quy hoạch có 5 tuyến đường chuyên dùng. Tên đường chuyên dùng đặt theo số hiệu của tỉnh Bình Dương như sau: ĐCD.01; ĐCD.02;...; ĐCD.05.

3. Ví dụ cách đặt tên hoặc số hiệu đường thuộc hệ thống quốc lộ (QL), đường thuộc hệ thống đường địa phương trùng với đường ASEAN (AH):

- QL.x-AH.y hoặc ĐT.x-AH.y, ĐĐT.x-AH.y

Trong đó:

+ x là tên hoặc số hiệu đường trong nước;

+ y là tên hoặc số hiệu đường ASEAN./.